

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Tp. Bảo Lộc, 04/2020

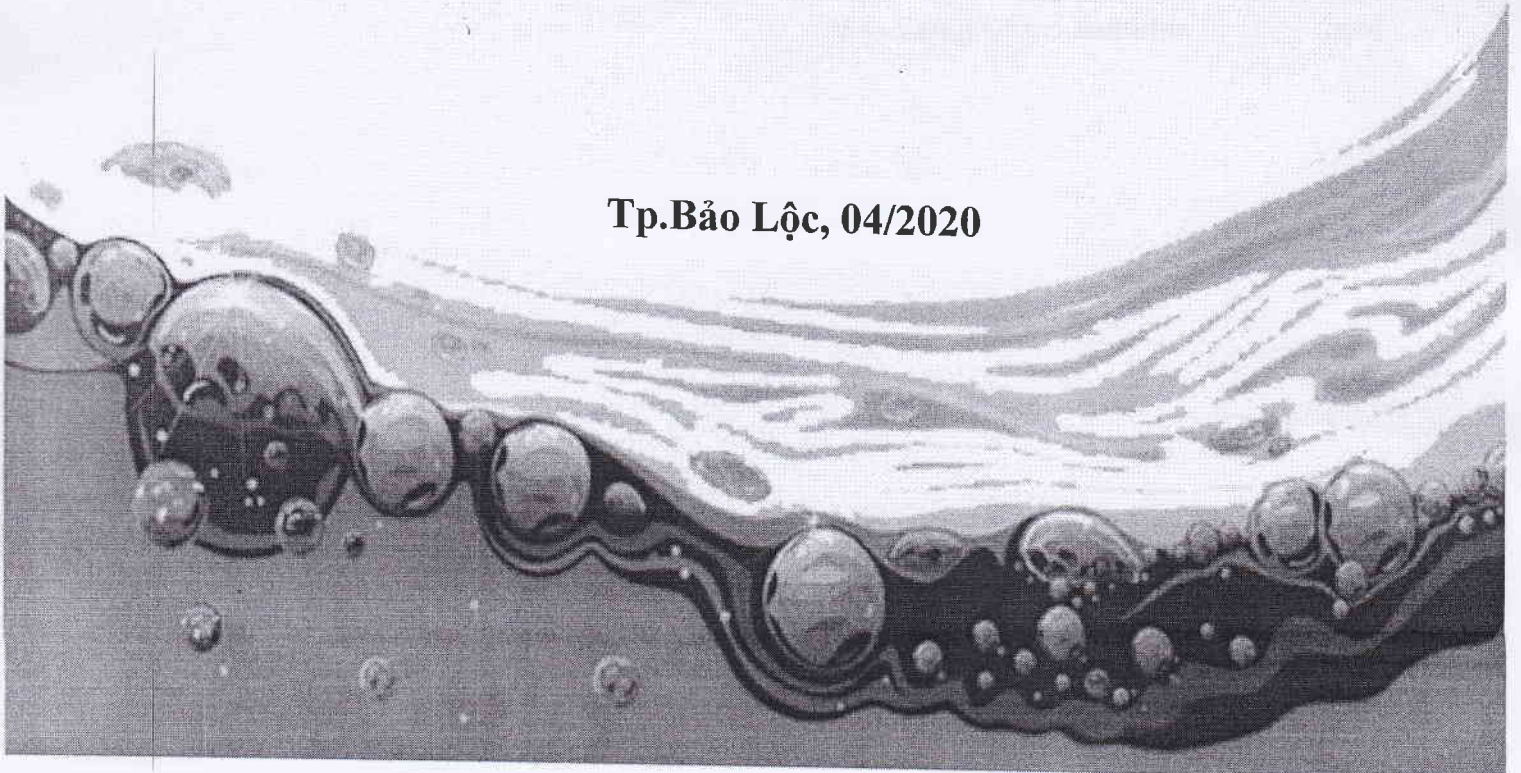
M.S.A

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Tp. Bảo Lộc, 04/2020



## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

### CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC

Giấy chứng nhận ĐKKD 4203000184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 13/02/2008  
-thay đổi lần thứ ba (03) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06 tháng 12 năm 2016  
với Mã số doanh nghiệp 5800563106

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## NĂM 2019

Số: 100 /BC - CTNBL

### BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

#### 1 - Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc

Địa chỉ: 56 Lê Thị Pha – P.1 – TP. Bảo Lộc – Lâm Đồng

Điện thoại: 263.3864073

Fax: 263.3711608

Website : [capnuocbaoloc.com](http://capnuocbaoloc.com)

### PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: **Nguyễn Đồng Anh Khoa**

Chức vụ: NV phòng Kế hoạch & Kỹ Thuật – Cty CP CTN & XD Bảo Lộc

Điện thoại: 0932.077.233

Fax:

Mail: [anhkhoa.cntd@gmail.com](mailto:anhkhoa.cntd@gmail.com)

# MỤC LỤC

<b>I. THÔNG TIN CHUNG:</b>	
1. Thông tin khái quát công ty.....	3
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	4
5. Định hướng phát triển.....	5
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019</b>	
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	6
2. Tổ chức và nhân sự:.....	8
2.1 Ban điều hành:.....	8
2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách với người lao động.....	13
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....	14
4. Tình hình tài chính:.....	15
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	16
<b>III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH</b>	
1. Công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD 2019.....	18
2. Công tác sắp xếp, phát triển nguồn nhân lực tại Công ty:.....	19
3. Công tác quản lý, điều hành sản xuất.....	19
4. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn:.....	19
5. Công tác quản lý, vật tư, tài sản thiết bị.....	19
6. Công tác Quản lý chất lượng sản phẩm:.....	20
7. Công tác quản lý Tài chính.....	20
8. Công tác thực hiện chế độ đối với Người lao động.....	20
9. Công tác bảo vệ cơ quan an toàn, an ninh chính trị nội bộ:.....	20
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	
1. Đánh giá về các mặt hoạt động của công ty.....	21
2. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành:.....	21
3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	21
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	
1. Hội đồng quản trị.....	22
1.1 Thành viên và cơ cấu.....	22
1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:.....	22
1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	22
1.4 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị.....	24
1.5 Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT.....	24
1.6 Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đạo tạo về quản trị công ty.....	24
1.7 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:.....	24
2. Ban kiểm soát.....	24
2.1 Thành viên và cơ cấu.....	24
2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát.....	24
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban điều hành, BKS.....	25
3.1 Các khoản lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác.....	25
3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.....	25
3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.....	25
3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.....	25
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019 ĐÃ KIỂM TOÁN</b>	
1. Ý kiến kiểm toán:.....	25
2. Báo cáo tài chính 2019 đã kiểm toán.....	25

# I. THÔNG TIN CHUNG:

## 1. Thông tin khái quát công ty

- ❖ Tên giao dịch: **Công Ty Cổ Phần Cấp Thoát Nước Và Xây Dựng Bảo Lộc.**
- ❖ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **4203000184**, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp vào ngày 13 tháng 02 năm 2008, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau

GCNĐKDN điều chỉnh số

5800563106 (Điều chỉnh lần thứ nhất)

5800563106 (Điều chỉnh lần thứ hai)

5800563106 (Điều chỉnh lần thứ ba)

Ngày

Ngày 24 tháng 6 năm 2011

Ngày 12 tháng 6 năm 2015

Ngày 06 tháng 12 năm 2016

- ❖ Vốn điều lệ: **27.000.000 VNĐ** (Hai mươi bảy tỷ đồng)

- ❖ Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*:

- ❖ Thông tin Công ty:

Địa chỉ : số 56 Lê Thị Pha, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại : (0263) 3864 073

Fax : (0263) 3711 608

Mã số thuế : **5 8 0 0 5 6 3 1 0 6**

Công ty có một (01) chi nhánh tại thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng chi tiết như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Xí nghiệp Thi công xây lắp và Quản lý Thuỷ lượng kế	số 56 Lê Thị Pha, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- ❖ Website: **capnuocbaoloc.com**

- ❖ Mã cổ phiếu: **BWA**

## 2. Quá trình hình thành và phát triển:

Hệ thống cấp nước Bảo Lộc được hình thành từ những năm của thập niên 70 thế kỷ 20, hệ thống này hình thành phục vụ chủ yếu cho một số quan chức và chính quyền đương thời. Sau năm 1975, Nhà máy nước Bảo Lộc chịu sự quản lý của UBND huyện Bảo Lộc, đến năm 1992 được sát nhập vào Công ty Cấp nước Lâm Đồng cùng với các Nhà máy nước Di Linh và Đức Trọng. Từ đó Nhà máy nước Bảo Lộc là một đơn vị thành viên trực thuộc Công ty Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Công ty Cấp thoát nước Lâm Đồng là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 686/QĐ/UB ngày 24/10/1992 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 1998 chuyển thành loại hình doanh nghiệp công ích theo quyết định số 1269/QĐ/UB của UBND Tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình sắp xếp đổi mới, năm 2004 doanh nghiệp lại được điều chỉnh chuyển sang loại hình doanh nghiệp Nhà nước hoạt động kinh doanh. Ngày 18/10/2005 UBND Tỉnh Lâm Đồng ra quyết định số 2873/QĐ-UBND thành lập Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng. Ngày 13/02/2008 Nhà máy nước Bảo Lộc chuyển đổi thành Công ty CP Cấp thoát nước và XD Bảo Lộc (trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng) theo quyết định Cổ phần hóa UBND tỉnh Lâm Đồng. Theo quyết định của UBND tỉnh Lâm Đồng số: 2081/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 09 năm 2016 Công ty CP Cấp thoát nước và XD Bảo Lộc được UBND tỉnh Lâm Đồng ủy quyền toàn bộ phần vốn Nhà nước.

Cổ phiếu niêm yết tại sàn giao dịch UPCOM tại SGDCK Hà nội ngày 14/06/2010.

Theo định hướng của UBND tỉnh Lâm Đồng hạn chế khoan khai thác nước ngầm nên năm 2019 Công ty tiếp tục chia sẻ mua nước đầu nguồn Công ty Thiên Hòa An. Tuy nhiên, từ 01/01/2019, Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Hòa An đã đơn phương ngưng cung cấp nước đầu nguồn cho Công ty, dẫn đến

nhiều khó khăn trong vấn đề nguồn cung cấp nước sinh hoạt trước, trong và sau dịp Tết Nguyên Đán 2019. Tuy nhiên Công ty cũng đã quyết tâm cao trong việc thực hiện nhanh và kịp thời các biện pháp nhằm đảm bảo việc cung cấp nước sinh hoạt cho người dân trên địa bàn thành phố Bảo Lộc: bao gồm các việc thổi rửa, cải tạo nâng cấp công suất các trạm bơm, các giếng ngầm cũ; đồng thời thực hiện khoan bổ sung khai thác các giếng ngầm mới đảm bảo đủ công suất đáp ứng cho nhu cầu sử dụng nước của khách hàng trên địa bàn thành phố Bảo Lộc.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### ❖ Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành, nghề	Mã
1	Khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch cho các khu đô thị và khu công nghiệp	3600 (chính)
2	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
3	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: xây dựng hệ thống công trình cấp thoát nước dân dụng và công nghiệp	4290 43221
4	Dịch vụ lưu trú ngắn hạn	5510
5	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: sản xuất nước tinh khiết đóng chai	1104 11041
6	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động	5610
7	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: kiểm tra đồng hồ đo nước lạnh	7120
8	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tham dò địa chất, nguồn nước Hoạt động đo đạc bản đồ Hoạt động kiến trúc Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	7110 71103 71102 71101 71109
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã ba (03) lần thay đổi đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba (03) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06 tháng 12 năm 2016 với Mã số doanh nghiệp 5800563106.

#### ❖ Địa bàn kinh doanh: Thành Phố Bảo Lộc

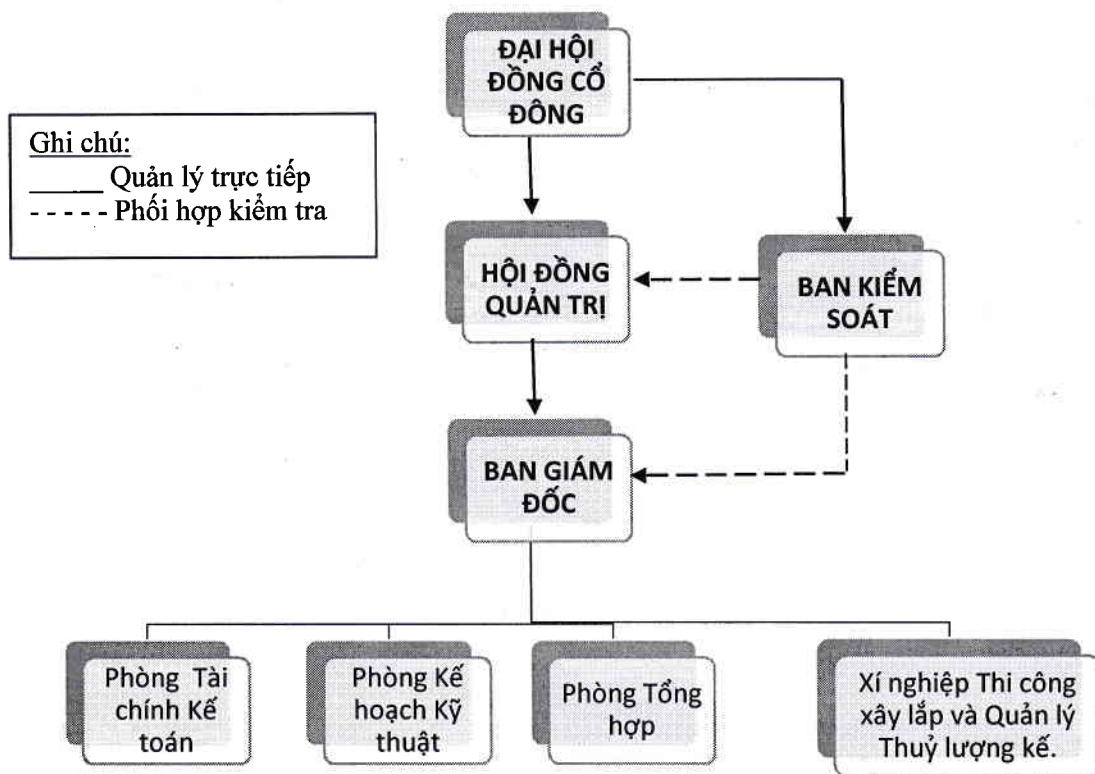
### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### ❖ Mô hình quản trị: mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị (Chủ tịch HĐQT là Người đại diện pháp luật của Công ty);
- Ban kiểm soát;
- Ban điều hành (đứng đầu là Ban Giám Đốc);

#### ❖ Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc.



## 5. Định hướng phát triển

### ✦ Mục tiêu hoạt động của công ty là:

- Góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của doanh nghiệp, tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, trong đó có đông đảo người lao động, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho doanh nghiệp để sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của nhà nước và của doanh nghiệp.
- Huy động vốn của cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong nước và ngoài nước để đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển doanh nghiệp.
- Phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, của các cổ đông, tăng cường sự giám sát của nhà đầu tư đối với doanh nghiệp, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.
- Mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động mà công ty có ưu thế, tạo nên tăng trưởng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc.
- Tối đa hóa hiệu quả hoạt động cấp nước, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước.

### ✦ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, kết hợp các đối tác để có công trình XDCB bên ngoài như các công trình mở rộng tái định cư của địa phương, các công trình cải tạo hạ tầng giao thông có nguồn vốn đầu tư của Nhà nước ... để tạo công ăn việc làm cho người lao động.
- Tập trung thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, đảm bảo ổn định chất lượng nước máy cung cấp ra mạng, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch.
- Dựa trên những ưu thế sẵn có của công ty cùng với khách hàng truyền thống, Công ty sẽ tiếp tục duy trì, ổn định và phát triển sản xuất. Trong đó, tập trung vào các nội dung:
  - + Nâng cao năng lực phát triển mạng lưới cấp nước cho các khu vực hiện chưa có hệ thống cấp nước sạch của thành phố;

- + Tăng cường thu thập thông tin, tiếp cận với các khách hàng tiềm năng, mở rộng địa bàn phục vụ;
- + Tăng sản lượng nước sản xuất cung cấp cho khách hàng;
- + Nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch;
- + Phân đầu giảm tỷ lệ thất thoát nước.

#### ➤ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

- Nghiên cứu mở rộng hệ thống cấp nước tới các xã bằng cách thực hiện các dự án: đầu tư nguồn và mạng lưới cấp nước xã Lộc An; hệ thống mạng lưới cấp nước xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm; đồng thời nghiên cứu các phương án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước mặt 17.000 m<sup>3</sup>/ngày hồ Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm (phần nhà máy của dự án ODA Đan Mạch) nhằm đảm bảo an ninh cấp nước, bảo vệ môi trường và phù hợp với chủ trương chung của Nhà Nước về hạn chế sử dụng nước ngầm.
- Đảm bảo nguồn nước cung cấp cho các dự án nước sạch nông thôn do Sở NNPT NT làm chủ đầu tư thực hiện tại các xã Lộc Châu – Đại Lào, Tp. Bảo Lộc và Lộc Nga – Lộc Thanh, huyện Bảo Lâm.
- Tiếp tục thực hiện 02 dự án trọng điểm của Tỉnh Lâm Đồng bao gồm: Dự án “Kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước sạch, nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Bảo Lộc” và Dự án “Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải thành phố Bảo Lộc”.
- Có chiến lược tiếp thị đến người dân trên địa bàn, bỏ thói quen tiêu dùng và tiến tới sử dụng nước sạch trong sinh hoạt. Phối hợp với ban ngành chức năng kiểm tra, ngăn chặn các hiện tượng dân tự khoan giếng không phép làm ô nhiễm nguồn nước, tháo tầng chứa nước.

#### 6. Các rủi ro

- Khách hàng sử dụng nước trên địa bàn thuần túy là dùng nước phục vụ sinh hoạt, một ít hộ kinh doanh dịch vụ, chủ yếu sử dụng trong mùa khô (có nguồn nước giếng ngầm tự khoan), mức tiêu thụ thấp, trong định mức, chủ yếu lắp đặt hệ thống cấp nước của Công ty để đối phó và dùng nguồn giếng ngầm tự khoan để sử dụng trong sinh hoạt, sản xuất.
- Trong năm 2019, chất lượng nguồn nước đã được cải thiện đáng kể, đảm bảo các quy định về chất lượng nước sạch dùng trong sinh hoạt. Tuy nhiên, do hệ thống mạng lưới cung cấp đường ống quá cũ từ trước năm 1991, nay đã xuống cấp trầm trọng, đường ống chủ yếu được chế tạo từ chất liệu sắt tráng kẽm, hiện trạng đã mục nát gây bể vỡ cục bộ, dẫn đến việc nước bẩn bị đưa vào hệ thống truyền tải, nên Công ty phải thường xuyên thực hiện việc xả rửa mạng, cũng như công tác rửa lọc nhiều, làm tỷ lệ thất thoát vẫn ở mức cao (27.91%).
- Một số các trạm bơm khai thác mực nước ngầm hạ thấp, mất nước phải ngưng hoạt động, tình trạng biến đổi khí hậu diễn biến xấu, vào mùa khô các giếng khoan trong dân đã cạn kiệt gây nên áp lực lớn về nhu cầu sử dụng nước dùng cho sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy, việc chi sử dụng một nguồn nước ngầm cũng chưa đảm bảo an toàn cấp nước nếu có sự biến đổi khí hậu, suy giảm nguồn nước ngầm.
- Hệ thống cung cấp từ nhà máy khai thác nước ngầm nên không có khả năng nâng công suất khai thác đồng thời theo đánh giá trữ lượng nước ngầm hiện nay chiều hướng chung sụt giảm nhiều trong những năm gần đây và không bền vững, khó kiểm soát. Tình trạng khoan khai thác không có sự quản lý của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn đã làm gây ô nhiễm nguồn nước, tháo tầng chứa nước dẫn tới suy giảm hụt mực nước ngầm. Do đó yêu cầu cấp thiết là cần nghiên cứu sử dụng nguồn nước mặt nhằm dự phòng cho nguồn nước ngầm đảm bảo an ninh cấp nước của Tp. Bảo Lộc, đồng thời đảm bảo chủ trương hạn chế khai thác nước ngầm của Nhà Nước.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh



a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019:

Đơn vị: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ %
<b>A</b>	<b>Sản phẩm chủ yếu</b>				
1	Nước sản xuất (trong đó)	m <sup>3</sup>	3.732.146	3.727.817	99,9%
	- Công ty	m <sup>3</sup>	2.922.146	3.690.414	126,3%
	- Mua nước đầu nguồn THA	m <sup>3</sup>	810.000	37.403	4,6%
2	Nước ghi thu	m <sup>3</sup>	2.687.200	2.687.220	100%
3	Tỷ lệ thất thoát	%	28	27,9	100,4%
4	Tỷ lệ tồn thu	%	<1%	<1%	<1%
5	KH phát triển mới	Hộ	900 - 1000	916	100%
6	Kiểm định ban đầu	Cái	2	1	66,7%
7	Kiểm định TLK định kỳ	Cái	4	4	100%
8	Thay ĐH	Cái	300	450	150%
<b>B</b>	<b>Tài chính - Doanh thu</b>				
9	Cộng doanh thu	Đồng	26.179.581.600	25.734.844.748	98,3%
10	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	1.574.457.600	2.531.209.889	160,8%
<b>C</b>	<b>Tỷ lệ chia cổ tức</b>	%	4	4	
<b>D</b>	<b>Quỹ lương kế hoạch người LĐ SX nước</b>	Đồng	5.280.000.000	5.891.000.000	111,6%
<b>E</b>	<b>Đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn</b>	Đồng	3.796.766.782	4.862.042.029	128,1%
I	Phát triển nguồn	Đồng	1.000.000.000	1.979.554.097	198,0%
II	Phát triển mạng	Đồng	1.362.796.782	1.404.373.602	103,1%
III	Sửa chữa mạng lưới cấp nước, cải tạo các tuyến ống STK, chống thất thoát	Đồng	678.970.000	996.488.017	146,8%
IV	Sửa chữa trạm bơm, Máy bơm, Máy Châm Clo	Đồng	755.000.000	481.626.313	63,8%

- Hiện nay Công ty cung cấp khoảng 53% cho khu vực nội thị trong thành phố nên để nâng cao hiệu quả trong sản xuất nước thì trước mắt Công ty đang hoàn thiện và mở rộng phạm vi của hệ thống cấp nước hiện có nhằm phát huy hết hiệu quả của hệ thống và cung cấp nước đầy đủ cho nhân dân. Các công trình lớn đã thực hiện trong năm 2019: di dời cải tạo và lắp đặt hệ thống cấp nước D100, D150 theo Dự án tuyến ống khu dân cư, các tuyến Đào Duy Từ - Nguyễn Đình Chiểu, tuyến ống cấp nước dự phòng cho Nhà máy bia Sài Gòn, KCN Lộc Sơn.
- Kể từ khi đi vào Cổ phần năm 2008 đến nay Công ty đã có nhiều cố gắng tập trung nâng công suất sản xuất nước từ 7.500 m<sup>3</sup>/ngày/đêm đến 31/12/2019 đạt khoảng 11.300 m<sup>3</sup>/ngày/đêm.
- Nhìn chung các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh còn lại đều đạt và vượt so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đã đề ra.
- Chỉ tiêu về tỷ lệ thất thoát nước sạch giảm 0,09 % so với kế hoạch: trong năm 2019 Công ty tiến hành rà soát, tăng cường công tác kiểm tra, dò tìm ống bể vỡ và tiến hành khắc phục ngay các sự cố bể vỡ. Đồng thời trong quá trình cải tạo các tuyến ống cũ nát, thay thế hệ thống ống STK bằng hệ ống HDPE nên đã giảm nhiều các trường hợp bể vỡ, thất thoát, tuy nhiên do số lượng bể vỡ nhiều nên tỷ lệ thất thoát có giảm nhưng chưa đáng kể.

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch)

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	TH Năm 2019	% Tăng giảm(so KH)
Doanh thu thuần	26.179.581.600	25.733.993.348	- 1,7%
Lợi nhuận trước thuế	1.574.457.600	2.531.209.889	+ 60,77%
Lợi nhuận sau thuế	1.259.566.080	2.013.689.726	+59,87%
Cổ tức (%)	4	4	0%

Lợi nhuận năm 2019 giảm so với năm 2018 nguyên nhân do trong năm 2018 phần lợi nhuận khác do thoái vốn cổ phần của công ty Cổ phần ÁP nước và Xây dựng Di Linh, thanh lý tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất. Riêng phần lợi nhuận sản xuất kinh doanh ổn định.

**2. Tổ chức và nhân sự:**

**2.1 Ban điều hành:**

**a) Danh sách Ban Điều Hành:**

Thành phần Ban điều hành	STT	Thành viên	Chức vụ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT
	2	Nguyễn Quốc Tuyên	Phó Chủ tịch HĐQT
	3	Nguyễn Thị Thu Trúc	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng
	4	Võ Thành Y	Thành viên HĐQT
	5	Nguyễn Đồng Anh Khoa	Thành viên HĐQT
BAN KIỂM SOÁT	1	Trần Thị Nga	Trưởng Ban Kiểm Soát
	2	Nguyễn Diễm Thủy Dung	Thành viên Ban Kiểm Soát
	3	Lê Ngọc Vân	Thành viên Ban Kiểm Soát
BAN GIÁM ĐỐC	1	Nguyễn Quốc Tuyên	Giám Đốc
	2	Nguyễn Hữu Kiên	Phó Giám Đốc

**b) Lý lịch Ban Điều Hành:**

❖ **Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Chủ tịch HĐQT Công ty - Người đại diện theo pháp luật của Công ty:**

Họ và tên: Nguyễn Trọng Hiếu  
 Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 23/12/1969  
 Nơi sinh: Lập Thạch, Vĩnh Phúc  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Nguyên quán: Lập Thạch, Vĩnh Phúc  
 Địa chỉ thường trú: 233/88 Bùi Thị Xuân, Phường 1, Bảo Lộc, Lâm Đồng  
 Trình độ Văn hoá: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tóm tắt quá trình công tác:

- 07/1991 – 06/1992: Kế toán Xí nghiệp Quản lý Nhà đất và công trình Công cộng Bảo Lộc
- 07/1992 – 02/2008: Kế toán Nhà máy cấp nước Bảo Lộc TX Bảo Lộc thuộc Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- 03/2008 – 5/2014: Kế toán Trưởng Cty CP Cấp thoát nước và XD Bảo Lộc
- 06/2014 – T10/2016: Phó giám đốc Cty CP Cấp thoát nước và XD Bảo Lộc.
- 11/2016 – Đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty.

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị  
 Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:  
 • Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.  
 • Các khoản nợ đối với công ty: Không.  
 • Số cổ phần sở hữu: 8.500 CP, chiếm 0,31% tổng số CP Công ty.  
 • Số cổ phần đại diện: 1.435.210 CP, chiếm 53.16% tổng số CP Công ty.  
 • Tổng số cổ phần của những người có liên quan: 3.000 cổ phần  
 ❖ Bà: Dương Thị Hoa, Vợ của Ông: Nguyễn Trọng Hiếu, nắm giữ: 3.000 cổ phần, tương đương 0,11% tổng số CP Công ty.  
 ❖ Ông: Nguyễn Khắc Khánh, Anh của Ông: Nguyễn Trọng Hiếu, nắm giữ: 5.000 cổ phần, tương đương 0,19% tổng số CP Công ty.

**❖ Ông Nguyễn Quốc Tuyền – Phó Chủ tịch HĐQT – Giám đốc Công ty:**

Họ và tên: Nguyễn Quốc Tuyền  
 Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 29/01/1979  
 Nơi sinh: Bảo Lộc – Lâm Đồng.  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Nguyên quán: Hải Phòng  
 Địa chỉ thường trú: 80 Phan Đăng Lưu - TP Bảo Lộc, Lâm Đồng.  
 Trình độ Văn hoá : 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng; Thạc sĩ khoa học

**Tóm tắt quá trình công tác:**

- 04/2001 - 05/2004: Kỹ sư giám sát công trường, Kỹ sư trưởng – Dự Án Hàm Đường Bộ Hải Vân – Liên doanh Tập Đoàn HAZAMA (Nhật Bản) và CIENCO 6 (Việt Nam), Chủ Tịch Công Đoàn Bộ phận Xây dựng
- 09/2004 – 09/2006: Học thạc sĩ - Trường Đại Học Liege – Vương Quốc Bỉ.
- 09/2016 – 11/2010 : Phó Giám Đốc Công ty CP Đầu tư xây dựng HPK - Tổng Công ty Vật tư nông nghiệp – Bộ NN & PTNN
- 04/2007 – 03/2014: Giảng Viên - Khoa Xây dựng và cơ học ứng dụng, Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Tp Hồ Chí Minh
- 05/2010 – 03/2014: Nghiên cứu sinh Tiến Sĩ – Học Viện Kỹ Thuật Quốc Gia Grenoble – Cộng Hòa Pháp
- 03/2014 – 11/2016: Chuyên viên, Phó Trưởng phòng, Phòng Quản lý đô thị, UBND thành phố Bảo Lộc
- 11/2016 – 05/2017: Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần cấp thoát nước và xây dựng Bảo Lộc.
- 06/2017 – đến nay: Phó chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty CP Cấp thoát nước và XD Bảo Lộc.

Chức vụ công tác hiện nay : Phó Chủ tịch HĐQT- Giám đốc Công ty

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 5.000 CP chiếm 0,19% số CP Công ty.
- Số cổ phần đại diện: 615.090 CP chiếm 22,78% số CP Công ty.
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

**❖ Ông Nguyễn Hữu Kiên – Phó Giám đốc Công ty:**

Họ và tên: Nguyễn Hữu Kiên

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 19/05/1969  
Nơi sinh: Thanh Chương, Nghệ An.  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Nguyên quán: Nghệ An  
Địa chỉ thường trú: 223-225 Trần Quốc Toản - TP Bảo Lộc, Lâm Đồng.  
Trình độ Văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

**Tóm tắt quá trình công tác:**

- 11/1987 – 02/1991: Công tác tại Trạm xuất khẩu Đa Tề, Lâm Đồng.
- 02/1991 – 05/2005: Công tác tại Công ty Chè Lâm Đồng, Tp. Bảo Lộc
- 05/2005 – 06/2016: Nhân viên Phòng KH KT Nhà máy nước Bảo Lộc.
- 06/2016 – 11/2018: Trưởng phòng KH KT Công ty Cổ phần cấp thoát nước và xây dựng Bảo Lộc.
- 11/2018 – nay: Phó Giám đốc Cổ phần cấp thoát nước và xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ công tác hiện nay : Phó Giám đốc Công ty

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 11.900 CP chiếm 0,44% số CP Công ty.
- Số cổ phần đại diện: Không.
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

❖ **Bà Nguyễn Thị Thư Trúc – Kế toán trưởng - Thành viên HĐQT:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Thư Trúc  
Giới tính: Nữ  
Ngày tháng năm sinh: 19/10/1980  
Nơi sinh: Bảo Lộc, Lâm Đồng  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Nguyên quán: Thừa Thiên Huế  
Địa chỉ thường trú: 268/3 Hoàng Văn Thụ, P.1, Bảo Lộc, Lâm Đồng  
Trình độ Văn hoá: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

**Tóm tắt quá trình công tác:**

- 11/2002 – nay: CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng, Thành viên HĐQT CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ đang nắm giữ ở Công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 3.400 cổ phần, chiếm 0.13% tổng số cổ phần của công ty.
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan:
  - ❖ Ông: Hà Duy Hưng, Chồng của Bà: Nguyễn Thị Thư Trúc, nắm giữ: 3.800 cổ phần, tương đương 0,14% tổng số CP Công ty.

❖ **Ông Võ Thành Y – Thành viên HĐQT:**

Họ và tên: Võ Thành Y  
Giới tính: Nam  
Ngày tháng năm sinh: 19/05/1957

Nơi sinh: Yên Thành – Nghệ An  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Nguyên quán: Yên Thành – Nghệ An  
Địa chỉ thường trú: 33 Đinh Tiên Hoàng, P.2, TP.Bảo Lộc, Lâm Đồng.  
Trình độ Văn hoá: 10/10  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

**Tóm tắt quá trình công tác:**

- 04/1982 – 06/1991: Nhà máy nước Bảo lộc – huyện Bảo Lộc.
- 07/1992 – 02/2008: Giám đốc Nhà máy cấp nước Bảo lộc TX Bảo Lộc
- 03/2008 – 05/2017: Giám đốc Cty CP Cấp thoát nước và XD bảo lộc.
- 06/2017 – Đến nay: Nghi hưu

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 10.900 cổ phần chiếm 0.40 % tổng số cổ phần của Công ty
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan:
  - ❖ Phan Thị Trâm (vợ): 5.400 CP chiếm 0.2% tổng số CP của Công ty.
  - ❖ Võ Thành Nam (con trai): 7.300 CP chiếm 0.27% tổng số CP của Công ty.
  - ❖ Võ Thị Thái Thanh (con gái): 7.000 CP 0.26% tổng số CP của Công ty.

**❖ Ông Nguyễn Đồng Anh Khoa – Thành viên HĐQT:**

Họ và tên: Nguyễn Đồng Anh Khoa

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 06/05/1986

Nơi sinh: Bảo Lộc, Lâm Đồng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Công Thành, Yên Thành, Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Lô 22BB Khu QH Hà Giang, P.1, Bảo Lộc, Lâm Đồng

Trình độ Văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Tài Nguyên Nước

**Tóm tắt quá trình công tác:**

- 05/2010 – 09/2017 : Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức, Tp.HCM
- 09/2017 – nay: CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ công tác hiện nay : Nhân viên Phòng KH - KT, Thành viên HĐQT - Phó Bí Thư Chi đoàn thanh niên.

Chức vụ đang nắm giữ ở Công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: Không
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

**❖ Bà: Trần Thị Nga – Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty:**

Họ và tên: Trần Thị Nga

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 20/03/1981

Nơi sinh: Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam  
 Dn tộc: Kinh  
 Nguyên quán: Yên Thành – Nghệ An  
 Địa chỉ thường trú: 53/35 Đinh Tiên Hoàng TP Bảo Lộc, Lâm Đồng.  
 Trình độ Văn hoá : 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh Tế  
Tóm tắt quá trình công tác:

- 2008 – 2009 : Làm văn thư Công ty
- 2009 – 2010 : Làm Thủ quỹ Công ty.
- 2011 – 09/2016: Nhân viên phòng Kế toán
- 10/2016 – 10/2017: Nhân viên phòng Kế hoạch đầu tư
- 11/2017 – 05/2019: TP. Hành chính tổng hợp
- 06/2019 – 12/2019: Nhân viên phòng Tổng hợp
- 01/2020 – nay: Nhân viên Xí nghiệp TCXL và quản lý TLK

Chức vụ công tác hiện nay : Nhân viên Xí nghiệp TCXL và quản lý TLK, Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 2500 CP chiếm 0.09% CP Công ty.
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

❖ **Bà Nguyễn Diễm Thủy Dung – Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: Nguyễn Diễm Thủy Dung  
 Giới tính: Nữ  
 Ngày tháng năm sinh: 01/06/1989  
 Nơi sinh: Bảo Lộc, Lâm Đồng  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Nguyên quán: Nam Định.  
 Địa chỉ thường trú: 69 Trần Cao Vân, P. Lộc Tiến, Bảo Lộc, Lâm Đồng  
 Trình độ Văn hoá : 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Quản trị Kinh doanh  
Tóm tắt quá trình công tác:

- 2013 – nay : CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc

Chức vụ công tác hiện nay : Nhân viên phòng Tổng Hợp, Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: Không.
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

– **Ông Lê Ngọc Vân – Thành Viên Ban Kiểm Soát:**

Họ và tên: Lê Ngọc Vân  
 Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 05/03/1955  
 Nơi sinh: Thừa Thiên Huế

Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Nguyên quán: Thừa Thiên Huế  
Địa chỉ thường trú: 2/17 Trần Phú, P.Lộc Sơn TP Bảo Lộc, Lâm Đồng.  
Trình độ Văn hoá : 12//12  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

**Tóm tắt quá trình công tác:**

- 1978 – 1980 : Chuyên viên Bộ Tài chính TP Hồ Chí Minh
- 1981 – 1993: Kế toán trưởng Công ty Thi Công Cơ giới Lâm Đồng.
- 1994 – 2004: Trưởng phòng Tài chính Kế Hoạch Huyện Bảo Lâm - Lâm Đồng.
- 2005 – 2011: Phó Chủ tịch UBND Huyện Bảo Lâm – Lâm Đồng.
- 2012 – 2015: Trưởng Ban dân vận Huyện Bảo Lâm – Lâm Đồng.
- T4/2015- đến nay: Nghỉ hưu

Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty.

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: Không
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan:
  - ❖ Trần Thị Đoàn Sinh (vợ): 10.000 CP chiếm 0.37% tổng số CP của Công ty.

**c) Những thay đổi trong Ban điều hành.**

Trong năm 2019, số lượng Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2022 vẫn được đảm bảo theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018.

**2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách với người lao động.**

**a) Số lượng cán bộ, nhân viên**

Năm 2019 Công ty có tổng số 84 CBCNV, trong đó có 59 nam và 25 nữ, có 72 người hợp đồng lao động không xác định thời hạn, 12 người hợp đồng lao động xác định thời hạn.

Trong năm, Công ty đã thực hiện thuê bảo vệ bên ngoài để thực hiện các công tác bảo vệ 24/24 tại trụ sở Công ty và thí điểm quản lý 03 trạm bơm số 01, 17 và số 19 bằng camera dữ liệu truyền về Công ty nhằm tinh giảm bộ phận lao động trực giếng.

**b) Chính sách đối với người lao động**

Với đội ngũ CBCNV như trên kết hợp với tinh thần đoàn kết nên đã góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019. Từ đó tư tưởng, đời sống thu nhập của CBCNV trong Công ty tương đối ổn định, yên tâm công tác để xây dựng và phát triển Công ty, môi trường làm việc từng bước được cải thiện, CBCNV chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách Pháp Luật của Nhà Nước, nội quy, quy chế Công ty.

Các chế độ tiền lương tiền công được thanh toán theo quy định, đồng thời Người lao động cũng tham gia đóng góp các khoản BHXH, BHYT, BHTN theo quy định. Công ty cũng chi nộp 100% cho Nhà nước các khoản BH này.

Tiếp tục thực hiện tốt đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động như: nâng lương, khám bệnh định kỳ, bảo hộ lao động, và chế độ chính sách khác theo đúng pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Công ty đã rà soát bổ sung, sửa đổi một số Nội quy, Quy chế, quy định về chính sách đối với Người lao động theo pháp luật quy định và đã thông qua Hội nghị Người lao động vào đầu năm 2019, tiến hành Hội nghị người lao động trong tháng 02 năm 2019 để lấy ý kiến sửa đổi, bổ sung những chế độ chính sách như về tiền lương khi xây dựng thang bảng lương mới nhằm đảm bảo quyền lợi của Người lao động, cũng như bảo đảm và tuân thủ theo qui định của Nhà nước.

Năm 2019 Công ty tổ chức một số Cán bộ kỹ thuật học chứng chỉ hành nghề hoạt động XD ở TP HCM, phối hợp trường ĐH Xây dựng Miền Trung tổ chức huấn luyện An toàn LĐ nhóm 1,2,3 và tham dự các lớp huấn luyện quân sự tại địa phương, công tác huấn luyện bản đàn thật đạt kết quả cao, và được đánh giá là khá và giỏi.

Các tổ chức đoàn thể: bao gồm các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên và Chi hội Cựu chiến binh đã tích cực tham gia vào các phong trào thi đua lao động giỏi, lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn trong năm góp phần hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019. Người lao động tự nguyện tham gia công tác xã hội từ thiện trong năm 2019 đã ủng hộ, quỹ vì người nghèo. Thăm viếng đám ma tứ thân phụ mẫu của CBCNV với số tiền hơn 16.800.000 (từ quỹ đóng góp 100,000 đ/ng)

Tổng kết các phong trào thi đua lao động sản xuất năm 2019 Công ty đã bình bầu và chọn ra được: 59 cá nhân lao động tiên tiến, 13 cá nhân được tặng giấy khen, 05 tập thể đạt lao động tiên tiến.

### 3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.

#### a) Các dự án trọng điểm của tỉnh Lâm Đồng:

- Dự án kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước sinh hoạt và cải tạo nâng cấp hệ thống cấp nước thành phố Bảo Lộc (nguồn vốn ODA Đan mạch), dự kiến thực hiện dự án từ 2020 đến hết năm 2023 và đi vào khai thác đầu năm 2024.

#### Mục tiêu dài hạn:

+ Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật nhằm đáp ứng kịp thời mục tiêu xây dựng thành phố Bảo Lộc hiện đại, có đặc trưng riêng của thành phố cao nguyên (theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ X, nhiệm kỳ 2016-2020; đến năm 2020 thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận cơ bản đủ tiêu chí thành phố trực thuộc Trung ương và hướng đến đô thị thông minh, thành phố Bảo Lộc đạt tiêu chí đô thị loại II).

+ Nâng cấp cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước sạch của thành phố Bảo Lộc giúp giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất của nhân dân trên địa bàn thành phố, góp phần cải thiện điều kiện sống, nâng cao sức khỏe cộng đồng, thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực thành phố Bảo Lộc nói riêng và tỉnh Lâm Đồng nói chung.

#### Mục tiêu ngắn hạn:

+ Giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch bình quân từ 27,9% năm 2019 (năm 2018 là 28%) xuống 15% vào năm 2025.

+ Tăng tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch từ 53% lên 90% - 100% và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch cho nhân dân trên địa bàn thành phố Bảo Lộc, đáp ứng nhu cầu dùng nước đạt 120l/người/ngày đêm.

+ Kiểm soát toàn bộ mạng lưới cấp nước về áp lực, lưu lượng và thất thoát, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn cấp nước, ổn định và đáp ứng nhu cầu cho người dân

- Dự án xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải khu vực trung tâm Thành phố Bảo Lộc, với công suất 10.000m<sup>3</sup>/24giờ theo 2 giai đoạn, công suất giai đoạn I: 5.000m<sup>3</sup>/24 giờ

#### Mục tiêu dài hạn:

+ Cải thiện môi trường đất, bảo vệ chất lượng nước ngầm và nước mặt không bị ô nhiễm;

+ Cải thiện môi trường sống cho người dân đô thị và cộng đồng;

+ Giảm thiệt hại do tình trạng ô nhiễm môi trường kéo dài;

+ Tăng thu nhập từ nguồn thu từ du lịch, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư nước ngoài vào thành phố Bảo Lộc;

+ Góp phần đẩy nhanh quá trình đô thị hóa của thành phố Bảo Lộc để Thành phố sớm trở thành một thành phố phát triển toàn diện, bền vững.

+ Cải thiện khẩn cấp nguy cơ ô nhiễm môi trường do nguồn nước thải tại khu vực tập trung đông dân cư gây ra.

+ Đáp ứng ngay nhu cầu phát triển hạ tầng của thành phố với mục tiêu phát triển nhanh, nhưng bền vững và thân thiện với môi trường.

#### Mục tiêu ngắn hạn:



Nhằm đáp ứng nhu cầu theo quy hoạch phát triển thành phố Bảo Lộc đến năm 2025 và dự báo lưu lượng nước thải tính toán giai đoạn 2015-2020 lưu lượng thu gom, xử lý nước thải khu trung tâm thành phố Bảo Lộc có công suất giai đoạn 1 là 5.000m<sup>3</sup>/ngđ, giai đoạn 2 có công suất là 10.000m<sup>3</sup>/ngđ.

- Dự án mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn của Sở NNPTNT sử dụng nguồn vốn WB21 tại các xã Lộc Thanh – Lộc Nga, huyện Bảo Lâm và xã Lộc Châu – Đại Lào, Tp. Bảo Lộc, dự kiến thực hiện dự án từ năm 2016 đến năm 2021.

**Mục tiêu tổng quát của chương trình:**

+ Cải thiện hành vi vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, tăng cường tiếp cận bền vững nước sạch và vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

+ Các dự án cấp nước sinh hoạt nông thôn, gồm xây mới, nâng cấp, sửa chữa, mở rộng khi hoàn thành đưa vào sử dụng, chất lượng nước sau xử lý tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia Việt.

+ Quy mô dự án: xây dựng mạng lưới đường ống đầu nối với hệ thống cấp nước của Tp. Bảo Lộc; kết nối với hộ gia đình và đầu tư các thiết bị đi kèm.

**b) Các dự án do Công ty chủ động thực hiện:**

Trong năm 2020, nhằm đảm bảo cung cấp nước cho nhà máy bia Sài Gòn Tp. Bảo Lộc và đảm bảo nguồn nước cho các dự án cấp nước sử dụng nguồn vốn Ngân Hàng Thế Giới của Sở NNPTNT ..., cũng như chủ động trong công tác phát triển mạng lưới mở rộng địa bàn cấp nước, Công ty tiếp tục nghiên cứu cơ chế vay sử dụng vốn vay quỹ đầu tư cho doanh nghiệp của tỉnh Lâm Đồng để thực hiện các dự án sau:

- Dự án xây dựng nhà máy xử lý nước mặt 17.000 m<sup>3</sup>/ngđ hồ Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm (phần nhà máy của dự án ODA Đan Mạch).
- Dự án đầu tư nguồn và mạng lưới cấp nước xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, dự kiến tổng chi phí đầu tư 14 tỷ VNĐ.
- Dự án đầu tư hệ thống mạng lưới cấp nước xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, dự kiến tổng chi phí đầu tư 6 tỷ VNĐ.

**c) Các chi nhánh trực thuộc Công ty:**

Trong năm 2019, được sự chấp thuận của hội đồng quản trị, Công ty đã thực hiện chấm dứt hoạt động của chi nhánh Xí nghiệp thi công xây lắp (thành lập theo Quyết định số 55/QĐ-CNBL ngày 28/02/2018) từ 06/2019 và thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh hoạt động của chi nhánh Xí nghiệp thủy lượng kế (thành lập theo Quyết định số 69/QĐ-CNBL ngày 01/6/2015) thành Xí nghiệp Thi công xây lắp và Quản lý Thủy lượng kế từ 07/2019.

Từ tháng 02/2019, Công ty cũng đã tiến hành thực hiện áp dụng chế độ khoán lương và khoán công việc cho Xí nghiệp Thi công xây lắp và Quản lý Thủy lượng kế để tạo động lực, tăng cường ý thức trách nhiệm cho Người lao động.

**4. Tình hình tài chính:**

**a) Tình hình tài chính năm 2019:**

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2018 (kỳ trước)	Năm 2019 (kỳ báo cáo)	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	35.156.051.907	37.527.533.905	+ 6,75%
Doanh thu thuần	25.363.816.876	25.733.993.348	+ 1,46%
Lợi nhuận từ HĐKD	2.432.370.804	2.591.187.120	+ 6,53%
Lợi nhuận khác	1.053.642.779	-59.977.231	
Lợi nhuận trước thuế	3.486.013.583	2.531.209.889	- 27,39%
Lợi nhuận sau thuế	2.788.936.739	2.013.689.726	- 27,80%
Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	1.033	797	- 22,85%

**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Chỉ tiêu	Năm 2018 (kỳ trước)	Năm 2019 (kỳ báo cáo)
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	73,95	71,20
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	26,05	28,80
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	4,01	8,47
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	95,99	91,53
<b>2. Khả năng thanh toán</b>		
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành ( lần )	6,49	3,4
2.2 Khả năng thanh toán nhanh ( lần )	2,82	1,65
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>		
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	13,74	9,84
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	11	7,83
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	9,92	6,74
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	7,93	5,36
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	8,26	5,86

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán các năm 2018-2019)

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp : không
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...)

Cổ phiếu	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/200
+ Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2,700,000	2,700,000
- Cổ phiếu phổ thông	2,700,000	2,700,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2,700,000	2,700,000
- Cổ phiếu phổ thông	2,700,000	2,700,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): không
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ trên vốn Điều lệ (%)
1	Cổ đông bán ra ngoài	649.700	6.497.000.000	24.06%
2	Cổ đông Nhà nước	2.050.300	20.503.000.000	75.94%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.700.000</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>100%</b>

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên (so với thời điểm lập BCTC năm trư

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP	Tỷ lệ	Thay đổi	Ghi chú
01	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	8.500	0,31%	Không	Cổ phần Sở hữu
			1.435.210	53.16%		Nhà nước Ủy quyền
02	Võ Thành Y	T. viên HĐQT	10.900	0.4 %	Không	Cổ phần Sở hữu
03	Nguyễn Quốc Tuyền	P.CT HĐQT	5.000	0,18%	Có	Cổ phần sở hữu
			615.090	22.78%		Nhà nước Ủy quyền
04	Nguyễn Đồng Anh Khoa	T. viên HĐQT	Không	Không	Không	Cổ phần Sở hữu
05	Nguyễn Thị Thu Trúc	T. viên HĐQT	3.400	0,13%	Không	Cổ phần Sở hữu

Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên trong năm 2019:

STT	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng ...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Quốc Tuyền	0	0%	5000	0,19%	Mua

– Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn:

+ Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước (Được UBND Tỉnh Ủy quyền)

• Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

Công ty Cổ Phần Cấp Thoát Nước và Xây Dựng Bảo Lộc là cơ quan đại diện cổ đông phần vốn Nhà nước (theo QĐ của Ủy Ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng số 2081/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 09 năm 2016)

• Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung:

Tên: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

• Công ty được UBND Tỉnh Lâm Đồng Ủy quyền

**Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và xây dựng Bảo Lộc** theo quyết định số 2081/QĐ/UBND ngày 20/09/2016.

Địa chỉ liên lạc: Số 56 Lê Thị Pha – P1 - TP Bảo Lộc – Tỉnh Lâm Đồng

Số CP : 2.050.300 CP chiếm tỷ lệ 75.94 %/Tổng số CP.

+ Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập : không

+ Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài : có (01 cổ đông)

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Căn cứ vào Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, được tổ chức ngày 22/05/2019. Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đã thống nhất các chỉ tiêu chính. Hoạt động chính của Công ty là cung cấp ổn định nhu cầu cung cấp nước sạch tại địa phương, phát triển khách hàng, cải thiện chất lượng nước và lắp đặt mở rộng các tuyến ống cấp nước.

Thực hiện kế hoạch năm 2019 theo Nghị quyết HĐQT. Trong năm 2019, Công ty có những khó khăn và thuận lợi như sau:

**Thuận lợi:**

- Công ty được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Đảng; ủy các cấp, các sở Ban ngành của tỉnh, địa phương. Đặc biệt chỉ đạo trực tiếp của HĐQT, cũng như sự nỗ lực, đoàn kết nhất trí giữa Ban Giám đốc và các phòng Ban, Xí nghiệp trong Công ty nên tập thể đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đời sống và việc làm của Người lao động ổn định và từng bước được cải thiện.
- Bên cạnh đó việc xây dựng kế hoạch sản xuất phù hợp với tốc độ phát triển khu vực, nhất là tính kế thừa mang lại hiệu quả cao trong việc thi công lắp đặt hệ thống mạng lưới tuyến ống cấp III, ống nhánh trên địa bàn đã tạo được sự tăng trưởng ổn định về sản lượng và doanh thu.

**Khó khăn:**

- Do đặc thù Doanh nghiệp là Công ty Cổ phần (vốn Nhà nước chi phối sở hữu 76%), nguồn lực tài chính còn hạn chế nên gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận vay vốn ưu đãi của các tổ chức tín dụng, đã ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư mở rộng và đầu tư chiều sâu để đáp ứng yêu cầu SXKD ngày một gia tăng.
- Tỷ lệ thất thoát nước vẫn còn cao do hệ thống mạng lưới đường ống nước hiện hữu được quy hoạch cho giếng nước ngầm, cũng như một số địa bàn quản lý của Công ty là một trong những khu vực dân cư lâu đời có hệ thống ống sắt tráng kẽm đã cũ mục nát đến thời kỳ phải thay thế. Từ 01/01/2019, Công ty CP đầu tư Thiên Hòa An đã đơn phương thực hiện dừng việc cung cấp nước cho Công ty, dẫn đến gặp nhiều khó khăn trong vấn đề nguồn cung cấp nước sinh hoạt trước, trong và sau dịp Tết Nguyên Đán Kỷ Hợi. Tuy nhiên Ban lãnh đạo Công ty cũng đã quyết tâm cao trong việc thực hiện nhanh và kịp thời các biện pháp nhằm đảm bảo việc cung cấp nước sinh hoạt cho người dân trên địa bàn thành phố Bảo Lộc: bao gồm các việc thổi rửa, cải tạo nâng cấp công suất các trạm bơm, các giếng ngầm cũ; đồng thời thực hiện khoan bổ sung khai thác các giếng ngầm mới đảm bảo đủ công suất phục vụ khách hàng.
- Trong quá trình triển khai thi công một số công trình nâng cấp mở rộng các tuyến đường nội thị, xây dựng các công trình hạ tầng ngầm của Thành phố, đơn vị tư vấn, đơn vị thi công còn thiếu sự phối hợp với Công ty, thiếu sự điều tra thẩm định chuyên sâu nên khi thi công xảy ra bề vỡ đường ống gây thất thoát nước, làm gián đoạn thời gian cấp nước cho khách hàng. Bên cạnh đó chính quyền địa phương các cấp hiện chưa có sự hỗ trợ từ phía các cơ quan hữu quan về mặt chế tài khi xảy ra các sự cố gây hư hỏng mạng cấp nước, gây khó khăn lớn cho Công ty trong việc khắc phục và phối hợp xử lý.
- Với những khó khăn thuận lợi nêu trên Ban giám đốc Công ty kịp thời báo cáo và xin ý kiến HĐQT và động viên CBCNV cố gắng vượt qua những khó khăn thử thách phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm mà Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 22 tháng 05 năm 2019 đã thông qua, đảm bảo nhiệm vụ chính trị về cấp nước an toàn, chất lượng ổn định, thực hiện tương đối tốt các công tác chống thất thu, thất thoát nước, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước, đảm bảo thu nhập, đời sống cán bộ Công nhân viên và Người lao động.

**Những thay đổi chủ yếu trong năm:**

**1. Công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD 2019**

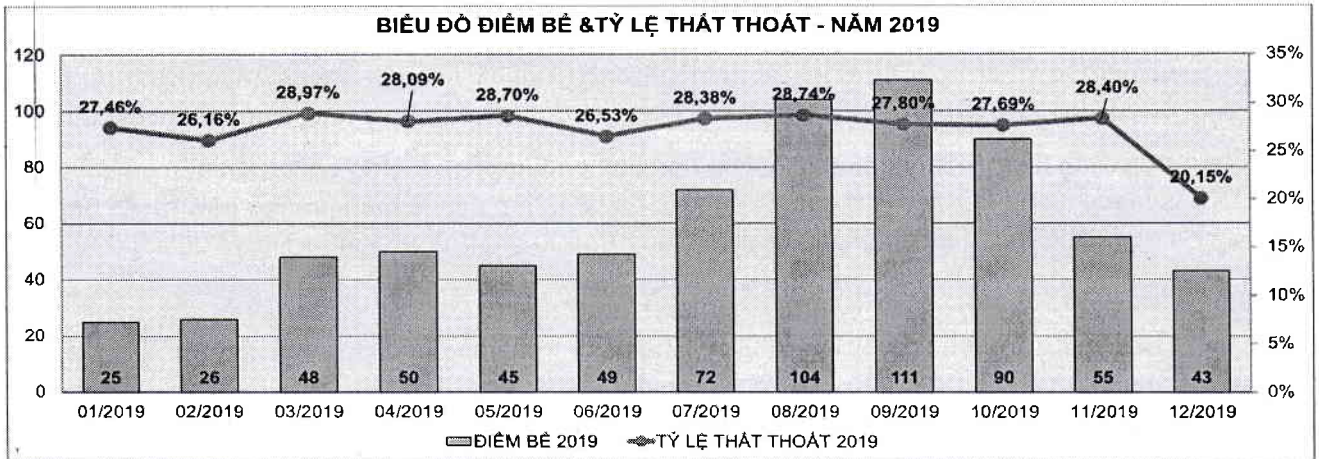
Ngay từ đầu năm, Ban Giám đốc đã phối hợp cùng các Phòng ban chuyên môn xây dựng kế hoạch SXKD năm 2019 trình Đại hội đồng Cổ đông và được thống nhất bằng Nghị quyết ĐHCĐ ngày 25/05/2019 để làm cơ sở thực hiện nhiệm vụ.

Công ty bám sát vào tình hình thực tiễn để triển khai kế hoạch, trong quá trình thực hiện các vướng mắc, tồn tại được báo cáo với HĐQT và được kịp thời tháo gỡ qua các kỳ họp.

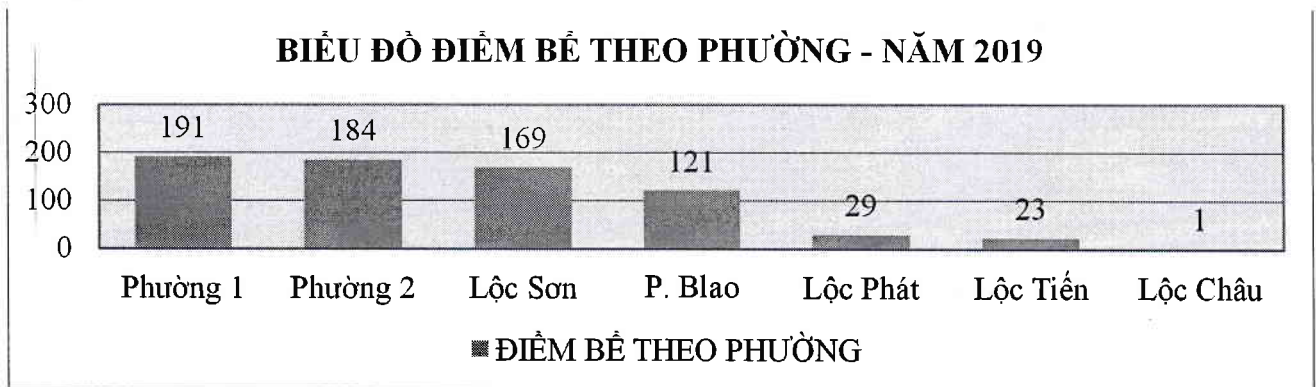
Công tác phát triển khách hàng, xây dựng cơ bản thực hiện theo đúng kế hoạch đã đề ra. Nhìn chung các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông đưa ra đều đạt và vượt so với kế hoạch.

Chỉ tiêu về tỷ lệ thất thoát nước sạch giảm 0,09 % so với kế hoạch: trong năm 2019 Công ty tiến hành rà soát, tăng cường công tác kiểm tra, dò tìm ống bề vỡ và tiến hành khắc phục ngay các sự cố bề

vỡ. Đồng thời trong quá trình cải tạo các tuyến ống cũ nát, thay thế hệ thống ống STK bằng hệ ống HDPE nên đã giảm nhiều các trường hợp bể vỡ, thất thoát. Trong năm Công ty cũng đã tập trung vào công tác thay thế, sửa chữa ống bể, tuy nhiên do số lượng bể vỡ nhiều nên tỷ lệ thất thoát có giảm nhưng chưa đáng kể.



Bảng 1: Bảng thống kê bể vỡ và tỷ lệ thất thoát các tháng trong năm 2019



Bảng 2: Bảng thống kê các điểm bể vỡ theo khu vực các Phường xã năm 2019

– Tổng số điểm bể vỡ toàn Công ty năm 2019: 718 trường hợp

## 2. Công tác sắp xếp, phát triển nguồn nhân lực tại Công ty:

Từ tháng 02/2019, Công ty cũng đã tiến hành thành lập Xí nghiệp Thi công xây lắp và thực hiện áp dụng chế độ khoán lương và khoán công việc cho Xí nghiệp để tạo động lực, tăng cường ý thức trách nhiệm cho Người lao động.

## 3. Công tác quản lý, điều hành sản xuất.

Quản lý vận hành các trạm bơm, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất, cũng như chuyên môn đảm bảo an toàn tuyệt đối. Năm 2019 Công ty cũng đã tiến hành lắp đặt camera thí điểm tại các trạm bơm chính, xem xét tính hiệu quả và sẽ có những báo cáo đánh giá trong thời gian tới

## 4. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn:

Công tác đầu tư phân nguồn: Theo định hướng của UBND tỉnh Lâm Đồng, trong thời gian tới Công ty sẽ từng bước hạn chế việc khai thác nguồn nước ngầm. Tuy nhiên hiện trạng tỷ lệ khai thác các giếng khoan chưa đạt hết công suất. Trong năm tập trung vào khâu thổi rửa, bảo dưỡng và khai thác ổn định ở mức an toàn nên nguồn khai thác vẫn đảm bảo.

Đầu tư thi công lắp đặt các tuyến ống xương cá D50, D32, D25 vào các ngõ hẻm xa đường ống cái để mở rộng mạng lưới cấp nước và phát triển thêm khách hàng mới theo yêu cầu và thỏa thuận của các hộ dân, tổ dân phố, phường, xã.

Công tác đầu tư hệ thống mạng: Trong năm chủ yếu tập trung nhân lực vào các công trình di dời cải tạo và lắp đặt hệ thống cấp nước D100, D150 theo Dự án tuyến ống khu dân cư, các tuyến Đào Duy Từ - Nguyễn Đình Chiểu, tuyến ống cấp nước dự phòng cho Nhà máy bia Sài Gòn, KCN Lộc Sơn.

## 5. Công tác quản lý, vật tư, tài sản thiết bị

Tài sản của ngành cấp nước có đặc thù rải đều khắp trong phạm vi trung tâm thành phố, nhưng với tinh thần trách nhiệm của CNV, cộng với ý thức của cộng đồng và xã hội, nên trong năm qua không xảy ra vụ mất mát nào ảnh hưởng đến tài sản của Công ty.

Việc theo dõi tài sản thiết bị năm tài chính năm 2019 Công ty quản lý tốt các vật tư, thiết bị. Tiến hành kiểm kê, đánh giá định kỳ theo đúng qui định của Nhà nước (công tác kiểm kê năm được Công ty Kiểm toán FAC tham gia giám sát và kiểm tra thực tế).

#### **6. Công tác Quản lý chất lượng sản phẩm:**

Quản lý sản phẩm làm ra, đây là một công tác thường xuyên và liên tục, chú trọng vào những khách hàng sử dụng nước với khối lượng lớn, khách hàng sử dụng nước có biến động tăng giảm bất thường. Phòng thanh tra và quản lý mạng thường xuyên và đột xuất kiểm tra những TLK nghi vấn nhanh chậm kịp thời cân chỉnh theo kế hoạch, theo yêu cầu của khách hàng. Vi phạm vi lệ, rà soát các hợp đồng sử dụng nước một cách thường xuyên, không tăng khống nhân khẩu, điều chỉnh định mức bổ sung cho khách hàng kịp thời đúng qui định.

Kiểm tra chất lượng nước thường xuyên tại đầu nguồn, trên đường ống truyền tải, tại các vị trí cuối nguồn và xả rửa hệ thống cấp II, III theo định kỳ hoặc đột xuất, đảm bảo an toàn vệ sinh cho khách hàng sử dụng nước.

Giao nhiệm vụ quản lý, kiểm tra thường xuyên cho Phòng Kế hoạch Kỹ thuật phối hợp với bộ phận quản lý mạng và các phòng ban khác theo dõi các tuyến bể vỡ kể cả ngày và đêm, đã kịp thời xác minh, báo cáo Lãnh đạo và sửa chữa kịp thời những sự cố bể vỡ.

#### **7. Công tác quản lý Tài chính**

Công tác quản lý Tài chính kế toán được thực hiện theo đúng Luật kế toán và các chế độ quy định của Nhà nước, phù hợp với các đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và các yếu tố chung của Công ty Cổ phần. Chứng từ kế toán đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ.

Chấp hành chế độ chính sách pháp luật của Nhà nước ban hành về quản lý tài chính của Công ty Cổ phần, Công ty dựa vào các chính sách đó ban hành bổ sung các quy định nội bộ, quản lý kinh tế, định mức kinh tế kỹ thuật, được công khai minh bạch.

Tiết kiệm chi phí, có lộ trình các khoản chi. Tập trung phân bổ nguồn lực lao động phù hợp. Động viên, tập trung nguồn lực vào làm các công trình XDCB bên ngoài để tăng Doanh thu, bù đắp lợi nhuận cho Sản xuất nước.

Hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và các cổ đông.

#### **8. Công tác thực hiện chế độ đối với Người lao động.**

Công ty rà soát bổ sung, sửa đổi một số Nội quy, Quy chế, quy định về chính sách đối với Người lao động theo pháp luật quy định và đã thông qua Hội nghị Người lao động vào đầu năm 2019, tiến hành Hội nghị người lao động trong tháng 02 năm 2019 để lấy ý kiến sửa đổi, bổ sung những chế độ chính sách như về tiền lương khi xây dựng thang bảng lương mới nhằm đảm bảo quyền lợi của Người lao động, cũng như bảo đảm và tuân thủ theo qui định của Nhà nước.

Các chế độ tiền lương tiền công được thanh toán theo quy định, đồng thời Người lao động cũng tham gia đóng góp các khoản BHXH, BHYT, BHTN theo quy định. Công ty cũng chi nộp 100% cho Nhà nước các khoản BH này.

Việc trang bị BHLĐ, dụng cụ chuyên ngành để lao động, sản xuất đảm bảo chất lượng và số lượng. Thường xuyên chăm lo đến đời sống tinh thần và môi trường làm việc cho Người lao động an tâm công tác nên năng suất chất lượng các công trình được bảo đảm.

#### **9. Công tác bảo vệ cơ quan an toàn, an ninh chính trị nội bộ:**

Đây là nhiệm vụ hàng đầu mà Công ty quan tâm, nhất là phối hợp cơ quan Công An Thành phố bảo vệ và lắp đặt an toàn, không để mất các nắp trụ chữa cháy và các thiết bị trên hệ thống cấp nước.

Công tác phòng chống cháy nổ được quan tâm thường xuyên, theo định kỳ kiểm tra công tác an toàn PCCN, bổ sung thêm các thiết bị chữa cháy tại trạm bơm và văn phòng Công ty.

Năm 2019 Công ty tổ chức một số Cán bộ kỹ thuật học chứng chỉ hành nghề hoạt động XD ở TP HCM, phối hợp trường ĐH Xây dựng Miền Trung tổ chức huấn luyện An toàn LĐ nhóm 1,2,3 và tham

dự các lớp huấn luyện quân sự tại địa phương, công tác huấn luyện bắn đạn thật đạt kết quả cao, và được đánh giá là khá và giỏi.

Thường xuyên thực hiện việc đóng góp cho các quỹ tại địa phương về chính sách hậu phương quân đội, quỹ an ninh quốc phòng đầy đủ, kịp thời.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **1. Đánh giá về các mặt hoạt động của công ty**

Trong năm 2019, đứng trước nhiều khó khăn, đặc biệt là việc Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Hòa An đơn phương ngưng cung cấp nước đầu nguồn từ 01/01/2019, Công ty đã thực hiện xin ý kiến UBND Tp. Bảo Lộc, UBND tỉnh Lâm Đồng có các phương án bổ sung nguồn nước phục vụ cho người dân, đặc biệt là trong dịp tết nguyên đán 2019. Kết quả của các công tác trên thể hiện sự tự chủ trong công tác cung cấp nước sạch của Công ty, qua đó giảm chi phí mua nước đầu nguồn từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Hòa An, lợi nhuận năm 2019 tăng.

Với sự nỗ lực của tập thể CB.CNLD và sự chỉ đạo kịp thời của Ban điều hành, năm 2019 Công ty đã hoàn thành kế hoạch được ĐHCĐ thông qua, đặc biệt là chỉ tiêu sản lượng nước sản xuất, nước cung cấp và doanh thu.

Ban điều hành Công ty đã hoàn tất điều chỉnh quỹ lương của người lao động với sự chấp thuận của Sở Lao động & TBXH tỉnh Lâm Đồng và được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt.

Nỗ lực của Ban điều hành thể hiện ở một số hoạt động khác có chuyển biến tích cực như: bổ sung nguồn nước sản xuất, quan tâm sâu sát về chất lượng nước, phát triển khách hàng theo kế hoạch. Công tác dò tìm sửa chữa bể vỡ được đẩy mạnh, trong tình trạng hiện trạng mạng lưới cấp nước không đồng bộ, cũ mục, dẫn đến hiệu quả chỉ dừng ở đảm bảo ổn định duy trì tỷ lệ thất thoát nước (*giảm 0,01% so với năm 2018*).

Trong công tác tài chính, Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật; đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

Về mặt kinh doanh, Công ty thực hiện đúng các quy định về cấp nước, bước đầu triển khai thực hiện hóa đơn điện tử, thanh toán tiền nước thông qua việc liên kết với các ngân hàng và các dịch vụ thu hộ, tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng có thể thanh toán tiền nước mọi lúc, mọi nơi.

### **2. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành:**

Ban điều hành đã tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong quá trình điều hành công ty.

Trong năm 2019, Công ty gặp nhiều khó khăn, nhưng Ban điều hành đã kịp thời triển khai thực hiện các giải pháp tích cực nhằm hoàn thành kế hoạch đã đề ra, góp phần giải quyết nhu cầu nước sạch của người dân trên địa bàn quản lý. Trong đó, nổi trội là công tác chỉ đạo chủ động khắc phục, đảm bảo cung cấp nước sạch cho người dân đặc biệt trong dịp tết nguyên đán 2020 khi Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Hòa An đơn phương ngưng cung cấp nước đầu nguồn từ 01/01/2019.

Duy trì chế độ họp nghiệp vụ định kỳ nghiêm túc và hiệu quả, thể hiện được vai trò chỉ huy và thống nhất trong Ban điều hành.

Thành viên Ban điều hành có tâm huyết, dám nghĩ dám làm và tạo được mối quan hệ tốt về nội bộ tổ chức, đặc biệt trong năm 2019 Ban điều hành đã có những điều chỉnh, thay đổi kịp thời trong công tác tổ chức hoạt động các Phòng Ban Xí nghiệp trên nguyên tắc tinh giảm bộ máy nhân sự, cải tiến quy trình làm việc để hoàn thiện bộ máy sản xuất kinh doanh và quản lý công việc hiệu quả hơn.

### **3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị cơ bản thống nhất với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Ban điều hành, đề nghị thống nhất kế hoạch tỷ lệ chia cổ tức năm 2020 là 4,5%, bổ sung kế hoạch thực hiện xây dựng đơn giá nước mới cơ bản hoàn tất trong quý 2 năm 2020.

Đề nghị Ban điều hành nghiên cứu cơ chế vay sử dụng vốn vay quỹ đầu tư cho doanh nghiệp của tỉnh Lâm Đồng và tiếp tục thực hiện các dự án sau:

- Dự án xây dựng nhà máy xử lý nước mặt lấy nguồn từ hồ Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm.

- Dự án đầu tư nguồn và mạng lưới cấp nước xã Lộc An, huyện Bảo Lâm.
- Dự án đầu tư hệ thống mạng lưới cấp nước xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm.

Ban điều hành chỉ đạo Phòng Tổng Hợp triển khai hóa đơn điện tử và liên kết các đơn vị thu hộ tiền nước, đề nghị đẩy nhanh thực hiện theo quy định, có phương án đề xuất nếu có phát sinh lực lượng lao động dôi dư.

Ban điều hành xem xét về mặt kỹ thuật đảm bảo về nguồn nước (sản lượng và chất lượng) cho các dự án của Sở NNPTNT và tiếp tục có phương án duy trì tỉ lệ thất thoát nước của Công ty, chủ động có các kế hoạch kiểm tra thay thế vật liệu lọc tại các trạm giếng, cũng như lên kế hoạch súc xả mạng lưới định kỳ và có các biện pháp tiếp tục kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước.

Thông nhất tiếp tục mua bán nước đầu nguồn với Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Hòa An dự kiến vào quý 3 và quý 4 năm 2020, sau khi các bên thống nhất công tác đền bù thiệt hại do ngưng cung cấp nước ngày 01/01/2019; cũng như thỏa thuận xong hợp đồng mua bán nước về đơn giá và sản lượng cung cấp.

Đề nghị Ban điều hành Công ty chuẩn bị các phương án chủ động giảm tỷ lệ thất thoát tại các khu vực tiếp nhận nước đầu nguồn Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Hòa An, có các biện pháp giám sát kiểm tra chất lượng nước tiếp nhận và ràng buộc vào các thỏa thuận mua bán nước đầu nguồn nhằm đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho người dân.

Về công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm đề nghị cần nghiên cứu xây dựng kế hoạch hướng tới các mục tiêu dài hạn hơn.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### 1.1 Thành viên và cơ cấu

HĐQT Công ty gồm có 05 thành viên :

- + Thành viên không trực tiếp làm việc tại Công ty:
  - Ông : Võ Thành Y : Thành viên HĐQT
- + Thành viên trực tiếp làm việc tại Công ty
  - Ông : Nguyễn Trọng Hiếu : Chủ Tịch HĐQT Công ty
  - Ông : Nguyễn Quốc Tuyền: Phó Chủ Tịch HĐQT – Giám Đốc Công ty
  - Bà Nguyễn Thị Thu Trúc: Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng
  - Ông: Nguyễn Đồng Anh Khoa : Thành viên HĐQT .

#### 1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban.

#### 1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia đầy đủ các cuộc họp và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao nhất, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của công ty.

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp để chỉ đạo kịp thời các vấn đề thuộc trách nhiệm của HĐQT, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội Dung
01	25/NQ-HĐQT	02/01/2019	- Thực hiện các phương án điều hành mạng lưới khắc phục tình trạng mất nước tại Khu phố 6, Phường 2, Tp. Bảo Lộc. - Bổ sung nguồn nước cung cấp đảm bảo phục vụ nhu cầu trong dịp tết nguyên đán 2019.
02	03/NQ-HĐQT	28/02/2019	- Thông qua các chỉ tiêu thực hiện về sản xuất kinh doanh năm 2018, thống nhất thông qua một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch SXKD năm 2019 - Thông qua phương hướng mua bán nước với Công ty Bia Sài Gòn.



Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội Dung
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống nhất công tác mua nước đầu nguồn của nhà máy nước Thiên Hoà An năm 2019.</li> <li>- Chuẩn bị dự án, trực tiếp thực hiện các hồ sơ dự án cụm xử lý nước mặt dự phòng hồ Nam Phương Thượng.</li> <li>- Thống nhất dự kiến tổ chức Đại hội cổ đông trong tháng 04 năm 2019.</li> <li>- Thực hiện các công tác đề xuất điều chỉnh giá nước và thoái vốn nhà nước theo quy định của Chính phủ.</li> </ul>
03	04/NQ-HĐQT	28/02/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng quản trị thống nhất tạm ứng cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt là 4%.</li> </ul>
04	07/NQ HĐQT	25/04/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua phân công công tác chuẩn bị Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.</li> <li>- Thống nhất thực hiện công tác khoan thăm dò khai thác 01 giếng khoan tại xã Lộc An.</li> <li>- Thống nhất mô hình tổ chức các Phòng ban là mô hình theo Phương án 02 (gồm 04 phòng ban).</li> <li>- Tiếp tục thực hiện theo văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh Lâm Đồng về công tác mua nước đầu nguồn với Công ty Thiên Hoà An.</li> </ul>
05	08/NQ HĐQT	12/06/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thống nhất phê chuẩn chấm dứt hoạt động Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc - Xí nghiệp Thi công xây lắp.</li> </ul>
06	12/NQ HĐQT	22/06/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban Giám đốc tiếp tục làm việc với Công ty CP Thiên Hoà An về thống nhất chi phí đền bù và mua bán nước đầu nguồn theo chỉ đạo UBND tỉnh Lâm Đồng</li> <li>- Ban Giám đốc đẩy mạnh thực hiện các dự án vay vốn Ngân hàng thế giới do Sở NNPTNN làm chủ đầu tư, đảm bảo các nội dung theo biên bản cam kết đã ký.</li> <li>- Phòng Tổng hợp cập nhật chức năng, nhiệm vụ các Phòng Ban, xây dựng các định mức trên cơ sở tinh gọn theo mô hình đã được HĐQT phê duyệt.</li> </ul>
07	13/NQ HĐQT	22/06/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HĐQT thống nhất giao Ban Kiểm soát Công ty tổng hợp, báo cáo nội dung đơn thư kiến nghị trên để làm cơ sở phục vụ báo cáo HĐQT, các Cơ quan Quản lý Đảng, chính quyền và làm tài liệu phục vụ công tác thanh, kiểm tra, điều tra.</li> <li>- HĐQT thống nhất thực hiện tổng hợp số liệu từ các bộ phận có liên quan để trả lời đơn thư, có phân công thực hiện cụ thể.</li> </ul>
08	16/NQ-HĐQT	01/07/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua Báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát Công ty về các nội dung xác minh đơn thư của Cổ đông.</li> </ul>
09	19/NQ-HĐQT	23/09/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua các chỉ tiêu chính thực hiện sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm 2019.</li> <li>- HĐQT chấp thuận bổ sung nguồn nước ngầm và nguồn nước mặt dự kiến hoàn thành trong quý 2 năm 2020.</li> <li>- Tiếp tục xây dựng thang bảng lương theo vị trí việc làm, xây dựng phương án giá nước mới, hoàn thành trong quý 4 năm 2019.</li> <li>- HĐQT thống nhất phương án đấu nối tuyến ống trên đường Đào Duy Từ đoạn từ Nam Phương City đến ngã ba Đào Duy Từ &amp; Nguyễn Văn Cừ, P. Lộc Phát.</li> </ul>

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội Dung
10	22/NQ-HĐQT	05/11/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HĐQT thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán Công ty TNHH Kiểm Toán FAC thực hiện công tác kiểm toán năm 2019.</li> <li>- Thống nhất các đề xuất về công tác nhân sự của phòng Tổng hợp về đề xuất thuê bảo vệ bên ngoài để thực hiện các công tác bảo vệ 24/24 tại trụ sở Công ty và đề xuất thí điểm quản lý 02 trạm bơm số 01 và số 19 bằng camera dữ liệu truyền về Công ty nhằm tinh giảm bộ phận lao động trực giếng.</li> <li>- Đề nghị triển khai công tác thu hộ tiền nước và tiếp tục đẩy nhanh thực hiện hoá đơn điện tử, thu tiền nước cá nhân qua ngân hàng.</li> <li>- HĐQT đề nghị thực hiện khoản chi phí cho Xí nghiệp thực hiện thông qua các hình thức hợp đồng nội bộ, nhằm chủ động đẩy nhanh công tác thanh quyết toán công trình.</li> <li>- HĐQT thống nhất thực hiện công văn gửi UBND tỉnh Lâm Đồng chấp thuận cho Công ty chủ động thực hiện xây dựng nhà máy xử lý nước lấy nguồn nước từ hồ Lạc Thắng, huyện Bảo Lâm.</li> </ul>

**1.4 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Không có

**1.5 Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT:** Không có

**1.6 Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đạo tạo về quản trị công ty:** Không có

**1.7 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:** Không có

## **2. BAN KIỂM SOÁT:**

### **2.1 Thành viên và cơ cấu**

Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên:

- + Thành viên không trực tiếp làm việc tại Công ty:
  - Ông : Lê Ngọc Vân: Thành viên BKS.
- + Thành viên làm việc tại cty:
  - Bà Trần Thị Nga: Trưởng ban kiểm soát Công ty.
  - Bà Nguyễn Diễm Thủy Dung: Thành viên BKS

### **2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát**

Trong năm 2019 Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên phụ trách kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của công ty với những nội dung sau :

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành về việc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2019, cụ thể: giám sát việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ; Thực hiện chia cổ tức cho cổ đông;
- Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính;
- Tham gia đề xuất việc lựa chọn đơn vị kiểm toán;
- Giám sát việc chi trả thù lao HĐQT và các thành viên BKS kiêm nhiệm;
- Xem xét tính phù hợp các Nghị quyết của HĐQT, các Quyết định của Ban điều hành trong công tác quản lý.
- Kiểm tra tính tuân thủ của Ban điều hành và các phòng ban xí nghiệp trong công ty; Kiểm tra phân tích báo cáo tài chính;

Nhìn chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý trong công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà Ban được Đại Hội đồng cổ đông giao.

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2019, Ban kiểm soát đã tổ chức các phiên họp để thảo luận các nội dung sau:

Stt	Số biên bản	Ngày	Nội Dung
01	01/BB-BKS	02/03/2019	Đánh giá tổng kết thực hiện kết quả hoạt động SXKD năm 2018, kế hoạch SXKD năm 2019, sự phối hợp hoạt động của BKS với HĐQT, các phòng ban năm 2018 và một số kiến nghị của BKS
02	02/BB-BKS	27/06/2019	Đánh giá thực hiện một số chỉ tiêu SXKD 5 tháng đầu năm 2019, một số góp ý và kiến nghị của BKS
02	03/BB-BKS	30/11/2019	Đánh giá tình hình chung một số chỉ tiêu chính của hoạt động SXKD, góp ý của BKS trong việc thực hiện nhiệm vụ hoạt động SXKD quý 4/2019

### 3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT

**3.1 Các khoản lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác:** thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

**3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không có

**3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có

**3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019 ĐÃ KIỂM TOÁN

### 1. Ý kiến kiểm toán:

Trích Báo cáo kiểm toán độc lập số 089/2019/BCTC-FAC ngày 16/03/2020 của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc năm 2019.

“ Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước và Xây dựng Bảo Lộc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

### 2. Báo cáo tài chính 2019 đã kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2019 Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Chi tiết được thể hiện tại Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán đính kèm.

Nơi nhận:  
 - UBCKNN;  
 - SGDCK Hà Nội;  
 - Lưu.

Bảo Lộc, ngày 06 tháng 04 năm 2020  
 CTY CP CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XD BẢO LỘC  
 T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Trọng Hiếu

**Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước và Xây  
dựng Bảo Lộc**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC**  
**FAC AUDITING CO., LTD**

Website : [www.kiemtoan.net.vn](http://www.kiemtoan.net.vn)

**Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước và Xây  
dựng Bảo Lộc**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Thông tin chung	1 - 2
2. Báo cáo của Ban Điều hành	3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán	6 - 7
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
7. Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 38

\*\*\*\*\*



## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 4203000184, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp vào ngày 13 tháng 02 năm 2008, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau:

<u>GCNĐKDN điều chỉnh</u>	<u>Mã số</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần thứ nhất	5800563106	Ngày 24 tháng 6 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ hai	5800563106	Ngày 12 tháng 6 năm 2015
Điều chỉnh lần thứ ba	5800563106	Ngày 06 tháng 12 năm 2016

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và phân phối nước sạch; tư vấn lập dự án đầu tư; xây dựng hệ thống công trình cấp thoát nước dân dụng và công nghiệp; sản xuất nước tinh khiết đóng chai; khoan khai thác nước ngầm, địa chất công trình; xử lý nước thải, xử lý môi trường; đầu tư xây dựng hạ tầng.

### TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : số 56 Lê Thị Pha, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.  
Điện thoại : (0263) 3864 073  
Fax : (0263) 3711 608  
Mã số thuế : 5 8 0 0 5 6 3 1 0 6

Công ty có một (01) chi nhánh tại thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng chi tiết như sau:

<i>Tên</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước và Xây dựng Bảo Lộc - Xí nghiệp thi công xây lắp và quản lý thủy lượng kế	số 56 Lê Thị Pha, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Tuyền	Phó Chủ tịch
Ông Võ Thành Y	Thành viên
Ông Nguyễn Đồng Anh Khoa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thư Trúc	Thành viên

#### **BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<b>Bà</b>	<b>Trần Thị Nga</b>	Trưởng ban
<b>Ông</b>	<b>Lê Ngọc Vân</b>	Thành viên
<b>Bà</b>	<b>Nguyễn Diễm Thùy Dung</b>	Thành viên

#### **BAN ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<b>Ông</b>	<b>Nguyễn Quốc Tuyền</b>	Giám đốc
<b>Ông</b>	<b>Nguyễn Hữu Kiên</b>	Phó Giám đốc
<b>Bà</b>	<b>Nguyễn Thị Thư Trúc</b>	Kế toán trưởng

#### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán FAC là công ty kiểm toán cho Công ty.



## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước và Xây dựng Bảo Lộc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành



Nguyễn Trọng Hiếu

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bảo Lộc, ngày 16 tháng 3 năm 2020



www.kiemtoan.net.vn

# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC - FAC AUDITING CO., LTD

Trụ Sở Chính : 64/4 Đường DHT 21, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. HCM.

Chi Nhánh Nha Trang : 27 Đường B1, Khu Đô Thị Vinh Điểm Trung, Xã Vinh Hiệp, TP. Nha Trang, Khánh Hòa.

Chi Nhánh Vũng Tàu : 169 Trương Công Định, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Chi Nhánh Miền Trung : 01 Trần Phú, P. Tân Thạnh, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam.

Chi Nhánh Hà Nội : Phòng 2M05, Tầng 2A, Tòa nhà Cowa Tower, số 199 Hồ Tùng Mậu  
Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Tel : (028) 3636 4038

Tel : (0258) 3895 777

Tel : (0254) 2210 287

Tel : (0235) 2226 889

Tel : (024) 7300 7886

Fax : (028) 3719 3949

Fax : (0258) 3893 377

Fax : (0254) 6253 070

Fax : (0235) 3837 878

Số: 089/2019/BCTC-FAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước và Xây dựng Bảo Lộc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước và Xây dựng Bảo Lộc (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 16 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)**

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước và Xây dựng Bảo Lọc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC**



**Hoàng Lam - Tổng Giám đốc**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề*

*kiểm toán số 0701-2018-099-1*

Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 16 tháng 03 năm 2020

**Nguyễn Hữu Thắng - Kiểm toán viên**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề*

*kiểm toán số 2818-2020-099-1*




## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>10.809.524.381</b>	<b>9.159.906.996</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.729.949.725	1.491.398.739
1 Tiền	111	4	2.729.949.725	1.491.398.739
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.500.000.000	2.500.000.000
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	2.500.000.000	2.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.446.212.068	2.775.189.531
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.381.309.660	1.065.820.031
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	260.272.727	260.272.727
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.844.026.739	1.458.296.553
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(39.397.058)	(9.199.780)
IV. Hàng tồn kho	140	10	2.133.362.588	2.365.366.263
1 Hàng tồn kho	141		2.133.362.588	2.365.366.263
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	27.952.463
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	-	6.359.091
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	-	21.593.372
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>26.718.009.524</b>	<b>25.996.144.911</b>
I. Tài sản cố định	220		24.141.131.585	23.427.011.605
1 Tài sản cố định hữu hình	221	11	23.994.880.585	23.274.851.605
- Nguyên giá	222		55.923.835.113	52.808.089.196
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.928.954.528)	(29.533.237.591)
2 Tài sản cố định vô hình	227	12	146.251.000	152.160.000
- Nguyên giá	228		195.000.000	195.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(48.749.000)	(42.840.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	13	10.529.139	21.948.399
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10.529.139	21.948.399
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.566.348.800	2.547.184.907
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	14	2.513.439.690	2.524.946.257
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	27.3	52.909.110	22.238.650
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>37.527.533.905</b>	<b>35.156.051.907</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.178.602.039</b>	<b>1.410.481.094</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.178.602.039</b>	<b>1.410.481.094</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	125.649.546	-
2 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	876.696.547	673.627.245
3 Phải trả người lao động	314		1.493.110.779	443.305.341
4 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	264.545.554	111.193.253
5 Phải trả ngắn hạn khác	319	18	210.164.502	134.301.982
6 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	208.435.111	48.053.273
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>34.348.931.866</b>	<b>33.745.570.813</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	20	<b>34.348.931.866</b>	<b>33.745.570.813</b>
1 Vốn cổ phần	411	20.2	27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.000.000.000	27.000.000.000
2 Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.578.413.446	1.578.413.446
3 Quỹ đầu tư phát triển	418		2.217.362.964	1.944.184.290
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.553.155.456	3.222.973.077
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.539.465.729	434.036.338
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.013.689.727	2.788.936.739
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>37.527.533.905</b>	<b>35.156.051.907</b>

  
 Nguyễn Thị Thư Trúc  
 Kế toán trưởng

Bảo Lộc, ngày 16 tháng 3 năm 2020



  
 Nguyễn Trọng Hiếu  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Thuyết minh	
			Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21.1	25.734.844.748	25.364.302.376
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		851.400	485.500
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		25.733.993.348	25.363.816.876
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	22	15.181.866.761	15.793.369.111
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.552.126.587	9.570.447.765
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	21.2	134.954.693	199.913.356
7 Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	25	23	5.240.326.058	5.063.296.699
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	2.855.568.102	2.274.693.618
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.591.187.120	2.432.370.804
11 Thu nhập khác	31	25	10.045.349	1.278.614.730
12 Chi phí khác	32	25	70.022.580	224.971.951
13 Lợi nhuận khác	40	25	(59.977.231)	1.053.642.779
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.531.209.889	3.486.013.583
15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27.1	548.190.623	703.533.592
16 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	27.3	(30.670.460)	(6.456.748)
17 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60		2.013.689.726	2.788.936.739
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	797	1.033
19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	797	1.033



*TKM*

Nguyễn Thị Thu Trúc  
Kế toán trưởng

Bảo Lộc, ngày 16 tháng 3 năm 2020



Nguyễn Trọng Hiếu  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1 Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>2.531.209.889</b>	<b>3.486.013.583</b>
<b>2 Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		2.401.625.937	2.318.901.944
- Các khoản dự phòng	03		30.197.278	(51.851.010)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(134.954.693)	(1.267.262.486)
<b>3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>4.828.078.411</b>	<b>4.485.802.031</b>
- Tăng các khoản phải thu	09		(710.296.903)	(1.159.179.281)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		232.003.675	(174.657.874)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		1.353.017.709	(385.179.704)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		17.865.658	(141.758.846)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16	(334.863.221)	(631.451.622)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(91.122.379)	(215.182.276)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>5.294.682.950</b>	<b>1.778.392.428</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.104.326.657)	(1.052.536.454)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.880.000.000
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.500.000.000)
4 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	300.000.000
5 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		134.954.693	19.327.756
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.969.371.964)</b>	<b>(353.208.698)</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20.3	(1.086.760.000)	(1.282.954.974)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.086.760.000)	(1.282.954.974)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.238.550.986	142.228.756
Tiền đầu năm	60	4	1.491.398.739	1.349.169.983
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền cuối năm	70	4	2.729.949.725	1.491.398.739

*TTT*

**Nguyễn Thị Thu Trúc**  
 Kế toán trưởng

Bảo Lộc, ngày 16 tháng 3 năm 2020



*HT*

**Nguyễn Trọng Hiếu**  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 4203000184, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp vào ngày 13 tháng 02 năm 2008, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau:

<u>GCNĐKDN điều chỉnh</u>	<u>Mã số</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần thứ nhất	5800563106	Ngày 24 tháng 6 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ hai	5800563106	Ngày 12 tháng 6 năm 2015
Điều chỉnh lần thứ ba	5800563106	Ngày 06 tháng 12 năm 2016

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và phân phối nước sạch; tư vấn lập dự án đầu tư; xây dựng hệ thống công trình cấp thoát nước dân dụng và công nghiệp; sản xuất nước tinh khiết đóng chai; khoan khai thác nước ngầm, địa chất công trình; xử lý nước thải, xử lý môi trường; đầu tư xây dựng hạ tầng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 56 Lê Thị Pha, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Công ty có một (01) chi nhánh tại thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng chi tiết như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước và Xây dựng Bảo Lộc - Xí nghiệp thi công xây lắp và quản lý thủy lượng kế	số 56 Lê Thị Pha, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 87 người

(ngày 31 tháng 12 năm 2018 là: 85 người)

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

### **2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### **2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### **2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **3.1. Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

### 3.2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu công cụ, dụng cụ và hàng hóa	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

### 3.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính.

### 3.4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá Quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

### 3.6. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	02 - 10 năm
Phương tiện vận tải	05 - 30 năm
Thiết bị quản lý	03 - 08 năm
Quyền sử dụng đất	33 năm

### 3.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

### 3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Chi phí đồng hồ thuê bao;
- Chi phí ống cấp 3, ống trục chung.

### **3.9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### **3.10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **3.11. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định**

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được thực hiện theo kế hoạch trích trước chi phí sửa chữa lớn vào chi phí hàng năm.

### **3.12. Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

### **3.13. Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

#### **➤ Quỹ Đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty

#### **➤ Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

### **3.14. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành.

#### **Doanh thu cung cấp nước**

Doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận hàng tháng căn cứ vào khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước và đơn giá đã được phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

#### **Tiền lãi**

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### **3.15. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán bằng cách dựa vào khối lượng công việc hoàn thành thực tế của dự án, trừ khi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trên hóa đơn.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

### **3.16. Thuế**

#### **Thuế thu nhập hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 3.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

### 3.18. Công cụ tài chính

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

#### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.



Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

#### 4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	260.722.846	99.230.632
Tiền gửi ngân hàng	2.469.226.879	1.392.168.107
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.729.949.725</b>	<b>1.491.398.739</b>

#### 5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương - Chi nhánh Bảo Lộc có thời hạn ba tháng, hưởng lãi suất từ 5,5% một năm.

#### 6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trung tâm Phát triển Quỹ đất Bảo Lộc	206.187.000	206.187.000
Công ty Cổ phần Licogi 16	483.994.800	483.994.800
Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh	154.935.880	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	536.191.980	375.638.231
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.381.309.660</b>	<b>1.065.820.031</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(39.397.058)	(9.199.780)

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Watech	260.272.727	260.272.727
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>260.272.727</b>	<b>260.272.727</b>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	1.667.993.988	1.396.795.488
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	45.900.000	57.150.000
Thuế Thu nhập cá nhân còn phải thu	-	3.434.570
Lãi dự thu	117.979.958	-
Phải thu khác	12.152.793	916.495
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.844.026.739</b>	<b>1.458.296.553</b>

**9. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Đối tượng nợ (*)				
Khách hàng sử dụng nước	63.652.767	24.255.709	47.059.752	37.859.972
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>63.652.767</b>	<b>24.255.709</b>	<b>47.059.752</b>	<b>37.859.972</b>

(\*) Đây là các khoản nợ quá hạn và đã được Công ty trích lập dự phòng cho giá trị phải thu như được trình bày tại Thuyết minh số 06.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	9.199.780	61.050.790
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng trong năm	30.197.278	(6.493.710)
Xử lý trong năm	-	(45.357.300)
Số cuối năm	<b>39.397.058</b>	<b>9.199.780</b>

10. HÀNG TỒN KHO

VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	1.487.669.761	-	1.586.157.273	-
Công cụ, dụng cụ	32.976.480	-	59.373.960	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	612.716.347	-	719.835.030	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.133.362.588</b>	<b>-</b>	<b>2.365.366.263</b>	<b>-</b>

**Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước và Xây dựng Bảo Lộc**  
 Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09-DN

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	VND
Số đầu năm	9.940.826.448	11.222.673.337	31.185.511.858	459.077.553	52.808.089.196
Mua trong năm	1.468.522.692	-	-	-	1.468.522.692
Xây dựng cơ bản	-	511.031.405	1.136.191.820	-	1.647.223.225
Số cuối năm	11.409.349.140	11.733.704.742	32.321.703.678	459.077.553	55.923.835.113
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	955.267.862	6.735.470.717	788.394.000	459.077.553	8.938.210.132
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	6.223.163.113	8.986.287.050	13.864.709.875	459.077.553	29.533.237.591
Khấu hao trong năm	612.936.712	472.936.959	1.309.843.265	-	2.395.716.936
Số cuối năm	6.836.099.825	9.459.224.009	15.174.553.140	459.077.553	31.928.954.528
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	3.717.663.335	2.236.386.287	17.320.801.983	-	23.274.851.605
Số cuối năm	4.573.249.315	2.274.480.733	17.147.150.538	-	23.994.880.585

11/1 23 02 1-011

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>VND</i>	
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	
<b>Nguyên giá:</b>		
Số đầu năm		195.000.000
Số cuối năm		<u>195.000.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>		
Số đầu năm		42.840.000
Hao mòn trong năm		5.909.000
Số cuối năm		<u>48.749.000</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>		
Số đầu năm		152.160.000
Số cuối năm		<u>146.251.000</u>

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí xây dựng các công trình tuyến ống	10.529.139	21.948.399
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>10.529.139</u>	<u>21.948.399</u>

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	6.359.091
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>-</u>	<u>6.359.091</u>

Dài hạn	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đồng hồ	1.339.963.278	1.246.995.078
Chi phí ống cấp 3	862.411.510	794.145.386
Chi phí ống trục chung	311.064.902	483.805.793
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.513.439.690</b>	<b>2.524.946.257</b>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh	125.649.546	125.649.546	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>125.649.546</b>	<b>125.649.546</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Phải nộp	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế Giá trị gia tăng	163.775.617	444.733.739	(585.663.679)	22.845.677
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	234.863.221	548.190.623	(334.863.221)	448.190.623
Thuế Thu nhập cá nhân	(21.593.372)	57.145.477	(35.416.756)	135.349
Thuế Tài nguyên	64.824.751	1.199.828.047	(1.141.605.532)	123.047.266
Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	80.101.894	(67.520.000)	12.581.894
Các loại thuế khác	210.163.656	2.569.722.874	(2.509.990.792)	269.895.738
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>652.033.873</b>	<b>4.899.722.654</b>	<b>(4.675.059.980)</b>	<b>876.696.547</b>
<i>Trong đó</i>				
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	673.627.245			876.696.547
<i>Thuế nộp thừa (*)</i>	21.593.372			-

(\*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trích trước công trình	264.545.554	111.193.253
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>264.545.554</b>	<b>111.193.253</b>

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	28.930.527	54.280.526
Nhân công thuê ngoài	101.814.961	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	72.064.456	78.824.456
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.354.558	1.197.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>210.164.502</b>	<b>134.301.982</b>

**19. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	48.053.273	127.069.411
Trích lập trong năm	273.178.674	147.333.862
Sử dụng trong năm	(112.796.836)	(226.350.000)
Số cuối năm	<b>208.435.111</b>	<b>48.053.273</b>

**Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước và Xây dựng Bảo Lộc**  
 Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B08-DN

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

VND

Năm trước	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm	27.000.000.000	1.578.413.446	1.796.850.428	1.868.104.062	32.243.367.936
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.788.936.739	2.788.936.739
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	147.333.862	(294.667.724)	(147.333.862)
Cổ tức công bố	-	-	-	(1.080.000.000)	(1.080.000.000)
Chi thù lao	-	-	-	(59.400.000)	(59.400.000)
Số cuối năm	27.000.000.000	1.578.413.446	1.944.184.290	3.222.973.077	33.745.570.813
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	27.000.000.000	1.578.413.446	1.944.184.290	3.222.973.077	33.745.570.813
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.013.689.726	2.013.689.726
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	273.178.674	(546.357.347)	(273.178.673)
Cổ tức công bố	-	-	-	(1.080.000.000)	(1.080.000.000)
Chi thù lao	-	-	-	(57.150.000)	(57.150.000)
Số cuối năm	27.000.000.000	1.578.413.446	2.217.362.964	3.553.155.456	34.348.931.866



**20.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>Tỷ lệ</i>
Vốn đầu tư của Nhà nước	20.503.000.000	75,94%	20.503.000.000	75,94%
Vốn góp các cổ đông khác	6.497.000.000	24,06%	6.497.000.000	24,06%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**20.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm và cuối năm	27.000.000.000	27.000.000.000
<b>Cổ tức đã trả</b>		
Cổ tức đã công bố	1.080.000.000	1.080.000.000
Cổ tức đã trả trong năm	(1.086.760.000)	(1.282.954.974)

Trong năm, Công ty chia trả cổ tức cho các cổ đông với số tiền 1.080.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 125/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019.

**20.4. Cổ phiếu**

	Cổ phiếu	
	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.700.000	2.700.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.700.000	2.700.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.700.000	2.700.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.700.000	2.700.000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**21. DOANH THU**

**21.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	<b>25.734.844.748</b>	25.364.302.376
Trong đó		
<i>Doanh thu thi công lắp đặt</i>	1.382.652.969	2.931.566.508
<i>Doanh thu bán hàng</i>	18.054.543	18.872.724
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	24.334.137.236	22.413.863.144
Các khoản giảm trừ doanh thu	<b>(851.400)</b>	(485.500)
Hàng bán bị trả lại	(851.400)	(485.500)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>25.733.993.348</b>	<b>25.363.816.876</b>
Trong đó:		
<i>Doanh thu thuần thi công lắp đặt</i>	1.381.801.569	2.931.081.008
<i>Doanh thu thuần từ bán hàng</i>	18.054.543	18.872.724
<i>Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ</i>	24.334.137.236	22.413.863.144

**21.2. Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	121.323.039	3.731.824
Lãi bán các khoản đầu tư	-	180.585.600
Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.631.654	15.595.932
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>134.954.693</b>	<b>199.913.356</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động thi công lắp đặt	1.179.112.021	2.447.265.528
Giá vốn của hoạt động bán hàng và dịch vụ	14.002.754.740	13.346.103.583
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.181.866.761</b>	<b>15.793.369.111</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	2.049.043.479	1.743.652.175
Chi phí vật liệu, bao bì	1.035.883.192	1.160.132.219
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.374.919.653	1.364.120.488
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.553.480	55.226.670
Chi phí bán hàng khác	721.926.254	740.165.147
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.240.326.058</b>	<b>5.063.296.699</b>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.515.240.452	1.242.282.957
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	16.273.000	16.273.000
Thuế, phí và lệ phí	18.025.949	12.103.455
Chi phí dự phòng	30.197.278	(6.493.710)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.099.207	8.395.859
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.269.732.216	1.002.132.057
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.855.568.102</b>	<b>2.274.693.618</b>

**25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>		
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.247.934.730
Các khoản khác	10.045.349	30.680.000
	<b>10.045.349</b>	<b>1.278.614.730</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản bị phạt	-	(173.454.776)
Các khoản khác	(70.022.580)	(51.517.175)
	<b>(70.022.580)</b>	<b>(224.971.951)</b>
<b>LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC THUẦN</b>	<b>(59.977.231)</b>	<b>1.053.642.779</b>

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.440.016.101	8.926.047.699
Chi phí nhân công	6.304.366.074	8.452.353.174
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định (Thuyết minh số 11 và số 12)	2.401.625.937	2.318.901.944
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.553.480	63.622.529
Các chi phí bằng tiền	2.970.389.565	3.257.678.231
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.174.951.157</b>	<b>23.018.603.577</b>

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	548.190.623	703.533.592
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	29.536.904
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	(30.670.460)	(6.456.748)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>517.520.163</b>	<b>726.613.748</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>2.531.209.889</b>	<b>3.486.013.583</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</b>		
Chi phí không được trừ	70.022.580	224.971.951
Chi phí trích trước	153.352.300	32.283.745
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(13.631.654)	(15.595.932)
Chi phí đã chịu thuế TNDN trong năm 2017	-	(210.005.385)
<b>Tổng lợi nhuận chịu thuế</b>	<b>2.740.953.115</b>	<b>3.517.667.962</b>
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế TNDN theo thuế suất</b>	<b>548.190.623</b>	<b>703.533.592</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>548.190.623</b>	<b>703.533.592</b>

#### 27.2. Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

#### 27.3. Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biên động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán		VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Dự phòng cho các chi phí bảo hành	52.909.110	22.238.650	(30.670.460)	(6.456.748)
	<b>52.909.110</b>	<b>22.238.650</b>		
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh</b>			<b>(30.670.460)</b>	<b>(6.456.748)</b>

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	724.988.005	808.000.000
Thù lao	216.000.000	216.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>940.988.005</b>	<b>1.024.000.000</b>

**29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế (VND)	2.013.689.726	2.788.936.739
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi	(273.178.674)	(147.333.862)
<b>Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>1.740.511.052</b>	<b>2.641.602.877</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	2.700.000	2.700.000
Lãi trên cổ phiếu	(VND/cổ phiếu)	
<i>Lãi cơ bản và lãi suy giảm</i>	645	978

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2018 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2018 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2019 số 125/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2019 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2019 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

### **39. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghị quyết quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

#### ***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

#### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### ***Rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng sử dụng nước) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

### *Phải thu khách hàng sử dụng nước*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu mở thư tín dụng hoặc các hình thức bảo hiểm tín dụng khác cho mọi lần chuyển hàng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong Thuyết minh số 9, Ban Điều hành của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	VND Tổng cộng
Số cuối năm			
Phải trả người bán	125.649.546	-	125.649.546
Chi phí phải trả và khoản phải trả khác	474.710.056	-	474.710.056
	<b>474.710.056</b>	<b>-</b>	<b>474.710.056</b>
Số đầu năm			
Chi phí phải trả và khoản phải trả khác	245.495.235	-	245.495.235
	<b>245.495.235</b>	<b>-</b>	<b>245.495.235</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại

#### Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Phải thu khách hàng	1.381.309.660	(39.397.058)	1.065.820.031	(9.199.780)	1.341.912.602	1.056.620.251
Phải thu khác	1.844.026.739	-	1.458.296.553	-	1.844.026.739	1.458.296.553
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.729.949.725	-	1.491.398.739	-	2.729.949.725	1.491.398.739
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.455.286.124</b>	<b>(39.397.058)</b>	<b>6.515.515.323</b>	<b>(9.199.780)</b>	<b>8.415.889.066</b>	<b>6.506.315.543</b>

VND

47-C  
 'TNH  
 OÁN  
 C  
 +Đ C

VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	125.649.546	-	125.649.546	-
Phải trả khác	210.164.502	134.301.982	210.164.502	134.301.982
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>335.814.048</b>	<b>134.301.982</b>	<b>335.814.048</b>	<b>134.301.982</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

### 32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty là thi công lắp đặt và cung cấp nước. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong khu vực tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Điều hành nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

### 33. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Quốc Minh	Không có khả năng thu hồi	14.554.000	14.554.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng Địa Tề	Không có khả năng thu hồi	13.700.000	13.700.000
Khách hàng sử dụng nước	Không có khả năng thu hồi	17.103.300	17.103.300
<b>CỘNG</b>		<b>45.357.300</b>	<b>45.357.300</b>

Khoản nợ phải thu tiền hàng với số tiền 45.357.300 VND đã được xóa sổ do Công ty xác định không có khả năng thu hồi.


**34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Thị Thư Trúc  
Kế toán trưởng

Bảo Lộc, ngày 16 tháng 3 năm 2020



Nguyễn Trọng Hiếu  
Chủ tịch Hội đồng quản trị



UBND TỈNH LÂM ĐỒNG  
CÔNG TY CP CẤP THOÁT  
NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bảo Lộc, ngày 23 tháng 3 năm 2020

Số: 82 /CTNBL  
V/v: “Giải trình biến động lợi nhuận  
năm 2019 ”

**Kính gửi :** - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Thực hiện Thông tư số 155/2015/TT - BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần cấp thoát nước và xây dựng Bảo Lộc giải trình báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 doanh thu tăng nhưng lợi nhuận giảm so với cùng kỳ năm 2018 như sau :

Chỉ Tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch
Tổng doanh thu	25.734.844.748	25.364.302.376	+370.542.372
Lợi nhuận trước thuế	2.531.209.889	3.486.013.583	-954.803.694
Lợi nhuận sau thuế	2.013.689.726	2.788.936.739	-775.247.013

Năm 2019 doanh thu tăng nhưng lợi nhuận giảm so với năm 2018 nguyên nhân do trong năm 2018 phần lợi nhuận khác do thoái vốn cổ phần của công ty cổ phần cấp nước và xây dựng Di Linh , thanh lý tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất. Riêng phần lợi nhuận sản xuất kinh doanh ổn định.

Công ty cổ phần cấp thoát nước và xây dựng Bảo Lộc giải trình tới ủy ban chứng khoán nhà nước, sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các nhà đầu tư được biết.

Trân trọng !

Nơi nhận:  
- Như trên;  
- Lưu.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
Chủ tịch HĐQT  
  
Nguyễn Trọng Hiếu